

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

Góp Nhặt
CHUYÊN ĐẠO

QUYỂN XX (20)

Sưu Tầm
QUANG MINH

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2017
hai • không • một • bảy

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ QUANG MINH, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 05/04/2017

Tâm Nguyên

Góp Nhặt Chuyện Đạo 20

SUU TÂM: **QUANG MINH**

MỤC LỤC

LỜI TỰA	9
GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO	11
1. Câu Chuyện Người Ăn Trộm.....	13
2. Tư Mác Là Ai?	23
3. Tự Trị Bản Thân.....	26
4. Vũ Trụ Quan Của Lão Tử.....	28
5. Thiên Nhơn Tương Hợp	31
6. Á Ca Nhi.....	35
7. Trụ Trì Thích Giác Quang Thịnh Giáo	37
8. Sự Sai Lầm	39
9. Tương Dung Tam Giáo.....	42
10. Giá Trị Của Tự Ái	45
11. Quan Âm Bồ Tát Giáng Cơ	49
12. Đức Phật Mẫu Khuyến Tu	51
13. Đức Hộ Pháp Giáng Tại Đài Cửu Trùng Thiên.....	53
14. Nguyên Căn Loài Người.....	56
15. Không Khí-Chất Tiếp Dưỡng Của Xác Thân.....	59
16. Hương Bảo Thoàn Giáng Cơ.....	62
17. Tính Điểm Đạm	64
18. Đừng Vì Áo Mào Hơn Vì Đạo	66
19. Lê Minh Tông Người Vẽ Hình “Tam Thánh Ký Hòa Ước”.....	68
20. Hậu Thiên Bát Quái.....	72
21. Đức Hiếu Của Vua Dực Tôn.....	74

22. Ngũ-Kỷ.....	76
23. Muốn Dập Tắc Cái Gì Hãy Làm Cho Nó Hung Lên ...	79
24. Than Nghèo	81
25. Phật Mẫu Là Ai?	83



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

LỜI TỰA

CÓ NHỮNG CÂU CHUYỆN HOẶC BẰNG HÀNH VI, HOẶC VIẾT BẰNG VĂN XUÔI, HOẶC BẰNG VĂN vần hay Thánh Giáo, nếu không ghi nhận nó bằng bút mực thì nó sẽ vì thời gian mà quên lãng rất uổng, nên tôi bắt đầu từ nay cố viết nó lại thành một tập để làm tài liệu học Đạo. Lâu lâu xem lại cũng giải khuây trong lúc nhàn rỗi.

Trên bước đường hành Đạo, tôi đã nghe nói hoặc đọc được những gì đáng ghi nhớ tôi sẽ lưu lại cho quý độc giả cùng thưởng thức, có lẽ bổ ích phần nào trên đường tu tiến của chúng ta. Nhất là những lời vàng tiếng ngọc của Đức Hộ Pháp nó làm kim chỉ nam để chúng ta nhắm cho đúng đường mà lập công bồi đức trao giới tâm hồn hầu làm phương châm thoát tục.

Khởi viết tại Tòa Thánh ngày 16-7-Canh Thân (1980)

QUANG MINH

GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO

QUYỂN XX



QUANG MINH

Viết xong ngày 15-07-Giáp Tý (1984)

NỘI DUNG:

1. Câu Chuyện Người Ăn Trộm
2. Tư Mặc Là Ai?
3. Tự Trị Bản Thân
4. Vũ Trụ Quan Của Lão Tử
5. Thiên Nhơn Tương Hợp
6. Ả Ca Nhi
7. Trụ Trì Thích Giác Quang Tỉnh Giáo
8. Sự Sai Lầm
9. Tương Dung Tam Giáo
10. Giá Trị Của Tự Ái
11. Quan Âm Bồ Tát Giáng Cơ
12. Đức Phật Mẫu Khuyến Tu
13. Đức Hộ Pháp Giảng Tại Đài Cửu Trùng Thiên
14. Nguyên Căn Loài Người
15. Không Khí- Chất Tiếp Dưỡng Của Xác Trần
16. Hương Bảo Toàn Giáng Cơ
17. Tính Điềm Dạm
18. Đừng Vì Áo Mào Hơn Vì Đạo
19. Lê Minh Tông Người Vẽ Hình “Tam Thánh Ký Hòa Ước”

20. Hậu Thiên Bát Quái
21. Đức Hiếu Của Vua Dực Tôn
22. Ngũ-Kỷ
23. Muốn Dập Tắt Cái Gì Hãy Làm Cho Nó Hưng Lên
24. Than Nghèo
25. Phật Mẫu Là Ai?

1. CÂU CHUYỆN NGƯỜI ĂN TRỘM

(Trích trong bài diễn văn của Đức Hộ Pháp đọc tại Tòa Thánh ngày rằm tháng 8 năm Quý Dậu (1933) về KHUÊ BÀI THIÊN LIÊM VI)

THẾ THƯỜNG NÓI: ĐỂ CHO NGƯỜI MÀ XỬ NGƯỜI THÌ CHƯA HỀ CÓ CÔNG BÌNH CHÁNH ĐÁNG. Phải biết tận tâm lý và hiểu trọn hành vi của người thì mới định đặng công bình tội phước.

Bần đạo xin dâng một chuyện hiện hữu của Bần đạo đã gặp khi đi ra làm việc tại Qui Nhơn.

Đến Bình Định đặng đôi tháng, Bần đạo biết đặng một người đã 36 tuổi, trang nghiêm tuấn tú, diện mạo khôi ngô, Nho văn hay Pháp văn khá, đức hạnh có, tài tình có, thật đáng trang danh sĩ Khổng Trình. Đòn thiết hay, thi thiết giỏi, ngôn ngữ như lưu, thông minh tột lẽ, rất đáng bậc phong lưu tài tử.

Bần đạo vì thương tài kết làm bạn thiết.

Hôm nọ đến nhà Bần đạo đàm luận suốt canh khuya, thoạt nhiên thú thật rằng người vốn tổ dạ du quân tử. Bần đạo nghe qua ngạc nhiên sự lạ, trước thì tưởng nói chơi, sau nghe gốc tích thuật trang hoàng thì mới biết lời chàng tỏ thật.

Tự thuật của người như vậy:

Người gốc ở Thanh Hóa, cha người làm quan chức Tân Triều, song kỹ trưởng niên cao nên hồi hưu dưỡng lão; mẹ thì mất sớm, để lại một em gái cùng người. Cha

người tái thú với một bà góa ở Quảng Nam, sanh đặng thêm hai gái một trai, cộng chung với 5 con riêng của bà nữa thành ra 8 mạng. Người thuật cả gian ác của bà kể mẫu đối cùng người và em gái của người, nghe nên thảm thiết. Linh thân của người lại sợ bà như hùm như hổ đáo để, nên 10 người phải tách mình đi ở mướn đặng trốn xa cái khổ khắc của bà. Thời may gặp đặng ông chủ lại là người đạo đức hiền lương, nên dạy học Nho văn thông suốt, còn Pháp văn và quốc văn thì người tìm tòi mà học một mình, nhờ sáng trí và cố cần nên cũng khá.

Chí đến năm 19 tuổi, khi vừa đặng nên người, Bà kể mẫu xúi lệnh phụ đòi về đặng lo đôi định bạn, cốt yếu cưới vợ cho người là mướn tớ rẻ chớ không phải là thương người, đặng định gia thế cho người (điều nầy cũng là thường sự).

Tội nghiệp thay chị vợ rủi vô duyên mà phải chịu cam khổ cùng người, vì đó nên ân nghĩa mặn nồng, vợ chồng vốn thương nhau thật dạ.

Lần lữa ngày lụn tháng qua, vì quen nhỏ nhẹ theo phận tôi đòi, biết chiều lụy kính nhường nên bà kể mẫu để chút dạ thương tình, đã quá 3 năm thấm thoát. Hại thay trong 3 năm an ổn lại sanh 3 cục báo đời, chị vợ đẻ hai trai một gái.

Miệng ăn thì nhiều, tay làm thì ít. Gia đình khiếm khuyết, sự nghiệp tiêu hao, bà kể mẫu tính cho rằng hai tay của vợ chồng làm không đủ công trừ miệng của ba con, nên lập chước đuổi ra khỏi cửa.

Chồng thì trần lỗ, vợ cũng không lành, con đói rách lang thang mà bà đành đoạn đem dạ đuổi xô ra ngoài ngõ. Người em gái thấy cảnh thảm khổ đường ấy nên quyết

theo chung chịu cùng anh, nào dè thêm một miệng thì hai người thêm một khổ. Chị vợ vào ăn cắp ít nổi gạo đem theo, rủi bị bà kế mẫu thấy, chạy theo giật lại.

Một đồng một chữ không có, mơi cơm chiều cháo, đi làm công đặng kiếm nuôi nhau, rủi khi nọ ông chủ vườn gây lộn không cho tiền tháng.

Chạy cơm không nổi, cả nhà nhịn đói đã bốn năm ngày, con thì khóc, vợ và em thì than, kể cùng lực tặn, chịu không nổi, người tính ra đường toan tự tử, may sao người vợ có tánh linh, hiểu tình cảnh chạy theo níu lại. Thiệt là khổ não vô ngần, viết ra không hết.

Năm khoanh mà chịu trót bảy ngày không có hạt cơm, chẳng lẽ ngồi chờ chết cả một nhà, đến cùng nước mới ra ăn trộm. Nhờ đã đủ trí đủ tài nên nghề dờ cũng ra hay, của Thạch Sùng cho cũng đủ xài, vàng Vương Khải độ ngày dư giả. Người nói rằng gia nghiệp của người cũng nhờ của trộm mà lập nên, nên chính miệng người khai rằng gia tài sự nghiệp ấy vô giá trị.

Người khai thiệt rằng, cách 4 năm giải nghệ, nhưng lương tâm cắn rứt hằng ngày, vì hổ thẹn nên đành xa quê lìa vức, vào ở tỉnh Bình Định gần 4 năm chầy. Nói đến đây, người khóc dầm dề, ngồi buồn bã thảm sầu than dài thở vắn. Bản đạo để lời an ủi, dỗ thừa cho vì cảnh gian nan, đến cùng thế phải toan cùng thế. Từ cổ chí kim biết bao mặt trượng phu quân tử gặp thất thời phải cam chịu phận hạ tiện tiểu nơn, cũng vì lẽ mạng tài tương đổ.

Tuy nói vậy nghe vậy chớ Bản đạo cũng không tin, nên kiếm chước đặng gấn mụ vợ. (Người em gái khi ấy đã nên gia nghiệp chồng con, cũng nhờ có tay anh giúp

đỡ và cũng ở tại tỉnh Bình Định cùng anh).

Cách ít lâu, Bản đạo đến nhà, nào là đờn ca xướng hát, nào là cờ bạc rượu trà, nhà người đã thành ra nhà xẹt (Cercle). Mãn tiệc đã xinh xoàn, kêu vợ chàng hỏi lên.

Người vợ khóc dầm dề thuật lại y chẳng sót, lại thêm rằng: Có một đêm chàng mang máu mũi chạy về nhà, mắng đương lo cạy vách người ta, bị chúng chém may không đứt họng. Ôi! Mẹ con tôi thấy hoảng, nên ó ré khóc rùm, xúm la làng réo xóm lum um, sợ chàng chết nên không sợ tội.

Khi ấy tôi đã đẻ thằng út của tôi bây giờ đó, tính hết thấy lủ con thành 7 đứa. Thấy không tin, khi nào vạch lưng cậu nó (là ông chồng, vì vợ con kêu anh ta bằng cậu) thì thấy cái sẹo dài hơn một tấc.

Chết chết sống sống, khổ biết bao nhiêu, trên hai tháng mới là lành mạnh. May không tôi đã phải góa, con chịu mồ côi, thân phận chúng tôi nghĩ thôi bao nả!

Bản đạo nghe đến mà hết hồn, nếu như chàng mà phải thế nào, sắp con và vợ ra sao chẳng hiểu?

Nếu người bị ăn trộm khi ấy biết rõ cảnh tượng này, đưa tay chém lưỡi dao khó xuống.

Bản đạo thử đem vụ này ra trường ngôn luận, thì chắc có người không tin rằng người ấy có đủ tài ba trí thức, nếu quả có tài thì phải có nghề, có sao không nghề nghiệp lại ra ăn trộm?

Bản đạo sẽ trả lời rằng, phải hiểu dân ở tỉnh Thanh Hóa bề sanh nhai khó dễ thế nào, mới luận thiếu nghề là dở.

Cũng có ông nói rằng, thà là thân ở mướn hơn sanh phương hạ tiện tiểu nơn.

Bần đạo lại trả lời: Ở cùng chủ bị giệt lương mới ra thân chịu đói.

Đời mấy ai thương khó, thấy nghèo hèn dễ ngo đến thân hèn, giàu đâu non cũng có người quen, đói giữa chợ anh em vắng mặt, lại còn chàng quá ngặt, vợ, con, em tay dất tay dàu, của một nhà nào có bao nhiêu, phòng nuôi nổi cho đều mấy miệng. Một thân dầu quyền biển, cũng có miếng mà nhai, tiền ngày có một tay, ăn hơn ngoài 8 bữa. Ai cả gan dám chứa, cả ba bốn đứa con, một miệng ăn núi lở non mòn, lựa một lũ quả hơn gánh hát.

Cũng có cụ nói, thà hành khát nuôi nhau hơn đi đào gạch chúng.

Bần đạo lại trả lời, đời mấy trang phước thiện, bố thí hiếm cho nhiều, của đi xin ngày một đặng bao nhiêu, phòng nuôi dưỡng cho đều cho đủ.

Cũng có lão nói, thà chịu đói khô mà chết thì hay hơn mang kiếp tà gian.

Bần đạo lại xin nói: Một mình chàng sống thật đã không màng, còn con vợ khốn nàn ai dưỡng dục?

Nhiều ông đặng vui phần hạnh phúc, nào biết chi vinh nhục của người, cứ chấp kinh lớn tiếng rộng lời, chớ chưa đủ trải đời cho thấy khổ. Xem kẻ rách lời tròn nói hổ, bởi chưa tường giá nợ áo cơm, đời thấy bèn bụm mũi bịt mồm, vì chưa hưởng mùi thơm vị thú, những thấy phỏng định chừng tội lỗi, bởi chưa quen lòn cúi khó là bao, vẽ tranh đời nhắm mắt nói màu, màu thế sự luận sao cùng lý.

Hỡi ai đã đa sâu đa cảm, có dạ thương đời, xin lấy thân người dạ du quân tử nầy mà tỉ lại thân mình, thấy giống hệt như in chẳng khác.

Hội Thánh Đại Đạo ngày nay cũng thế, nổi thảm khổ của Chúc sắc Thiên phong mấy ai thấy rõ, phòng để luận cho công, nhờ Chí Tôn nung trí giục lòng, bằng chẳng vậy khó mong thành Đạo. Nổi cơ đời ép bức, nổi phận sự khó khăn, lo bảo tồn cả triệu sanh linh, khỏi khổ hạnh vốn không phải dễ.

Bản đạo coi lại những kẻ để lòng gieo ác cảm, đều là người trốn lánh phận mình, Đạo không nên mà đời cũng chưa đủ, xúm vây đoàn kết lủ hại người lành, hay là tay ghét ngõ ganh hiềm, cứ xúm ngõ kim tiền hô kiếm trộm, cùng những trang Chúc sắc lo mua tiếng cầu danh, miếng đỉnh chung tính bỏ không đàn hành, còn quyền Đạo cũng tranh cũng lẩn. Cả thầy chưa dâng công cho Đạo, chỉ lấy tiếng bua danh, những vị ấy có hửi cái khổ của Hội Thánh là dường nào mà xử định phân minh mùi vị?

Bản đạo đã trót 8 năm chầy, lao tâm tiêu tứ, lo tìm phương bảo thủ chơn truyền, hằng bị nổi khó khăn gay trở. Trong thì Chúc sắc Thiên phong nghịch lẩn, ngoài tà quyền kiếm thế ép đè, khổ nhọc trăm bề, gian nan khó nói.

Nào là mưu giục loạn, nào là kế phân tâm, dẹp sự nọ, biến điều kia, khuyến hờn nẩy sanh oán khác.

Nào là tiếng gièm pha miệng thế, nào là lời kích bác phái tà, làm nghiêng ngửa Đạo tâm, hại chia phui Hội Thánh. Tội nghiệp thay, có nhiều vị Thiên phong Chúc sắc chịu không kham hổ nhục của ác đời, cực chẳng đã phải kiếm chước lui chơn, lập thế lực lo phương hành Đạo.

Thật sự rối rắm của Đạo là do nơi trở cảnh mà biến thành, chớ chẳng ai nỡ cố tâm hại Đạo.

Cuộc bất hiệp tác đã nảy sanh ra trong hàng Đại

Thiên phong cầm quyền hành chánh, đều tại không đồng ý đồng tình, trên không biết dưới, dưới chẳng hiểu trên, sự hành động bất hòa mới sanh nghịch lẫn.

Ông thì lo tìm phương giải ách, ông lại toan lập thế phổ thông, hao của nhọc công, muôn điều khổ nhọc. Nếu quả nhiên có tâm hại Đạo thì còn lo vụ tất về lịch xinh chánh giáo mà làm gì, cho bị dễ bị khi, thêm lao tâm tổn trí. Dầu mấy vị vì danh vì thế, lo xui mưu làm loạn đảng tụ phái lập phe đi nữa, cũng có công giúp ích chơn truyền, nơi khổ hải đóng thuyền ra tế độ.

Ấy vậy, thiệt nhục cho Bản đạo là không phương làm hòa nhã cả Chúc sắc Thiên phong, để mếch dạ chên lòng, mới gieo phiến kết hận, song xét cho cặn lẽ, thì hơn tâm biển cải, dầu Thánh hơn cũng khó nổi giữa, hễ xảo ngữ vốn dễ nghe, còn thiệt ngôn hay nặng dạ. Chẳng biết người đạo đức ở thế nào cho thiên hạ vừa lòng. Hèn chi Phật tử đời như Thất đầu xà, nghĩa là hình trạng thất tình phạm thế.

Chớ chi Đại Từ Phụ ban cho Bản đạo phương thế nào mà làm cho chư Đại Thiên phong yếu trọng của Hội Thánh bớt để tai nghe lời siểm nịnh của đám tà, thì nền Đạo chẳng đâu ra nông nổi.

Người muốn nên cho Đạo thì phần ít, còn kẻ giục hư lại vốn phần nhiều, vì những tánh nết tự kiêu, vì đầy lòng ganh ghét.

Bản đạo xin thưa cho chư Đạo huynh, chư Đạo tỷ cùng chư Đạo hữu nam nữ lưỡng phái một điều này:

Chúng ta tu hay là không tu. Nếu như tu thì phải hiền, như còn muốn dữ thà bước cho xa của Đạo.

Chúng ta đã lãnh phạt sự đặc biệt và yếu trọng là cảm hóa thế nào cho đời đã tệ hóa ra hay, người bạo tàn hóa ra hiền ngộ. Nếu còn nêu gương tàn nhẫn thì khuyến giáo đặng ai, cứ mong lòng tranh trí lẫn tài, ắt tàn hại cái hay đạo đức.

Sở vọng của Đạo cốt yếu là làm cho thiên hạ thương yêu, vì sự thương yêu là một quyền hành độc thiện, mà chú Chúc sắc thay vì yêu thương lại chọc cho hờn cho ghét, thì hành vi ngược ngạo biết là bao! (Đạo thiên hạ đã ghét rồi đa, làm thế nào cho thương đặng mới là hay, còn hại ghét hoài ra thường sự).

Bần đạo để lời tâm huyết này:

*Chúng ta đã chung khổ cùng nhau tạo thành nền Đạo,
Dầu không tình cũng nghĩa, dầu bỏ nghĩa còn công,
Đã 8 năm khổ hạnh chia đồng,
Hóa giọt thấm mặn nồng bằng cốt nhục.
Nay vừa đặng mây may hạnh phúc,
Nỡ nào còn cân nhục so vinh,
Nên cũng mình mà hư ấy tại mình,
Trọng là thế, khinh kia cũng thế.
Đời tôi tệ miệng còn nói lẽ,
Đạo dường bao chẳng kể tôn ti,
Nếu ta bày ra tiếng thị phi,
Biểu sao chúng chẳng khi chẳng để,
Cùng nhau đã đồng minh đồng thế,
Của thiêng liêng huynh đệ nên nghi,
Hơn mà chi thua ấy là chi,
Mưu hại lẫn nhau vì cừ hận,*

Ráng giữ chặt tánh hồn nét giận,
Ngọn hỏa tâm thiêu tận đến thờ,
Đạo sử ghi kiếp kiếp để nhớ,
Nơi cửa Thánh ơ hờ hóa quỷ,
Bớt nghe hồ mị, theo Đấng Chí Tôn,
Sống sót kia xin nói đến hồn,
Đừng đợi thác thầy chôn để trượt.
Độ tâm lý không cân không thước,
Lấy tinh thần làm chước làm mưu,
Tâm là bình Bát vu, đức là cây Phát chủ,
Hạnh là bộ Xuân Thu,
Trối kệ đời khen trí chê ngu,
Đã tự chủ trí ngu tự hiểu,
Lấy tánh đức từ bi làm kiêu,
Đưa ân hồng điều níu tay phạm,
Mặc ai còn danh mển lợi ham,
Trối kệ những tước ham quyền chuộng,
Môi chung đỉnh đủ nhàm ưa muốn,
Môi qui lên cúi xuống của công Khanh,
Còn chi hay phòng giết phòng giành,
Có chi trọng phỏng tranh phỏng lẩn.
Chúng ta ví biết mình cho cùng tận,
Thì hằng ngày nên hỏi lại mình rằng:
“Phải Đại Từ Phụ mượn xác thịt của ta
Đặng thay hình thể của Người hay chăng?”

Nếu lương tâm đã cho phạm sự ta để thay thế cho
Thầy thì chúng ta phải tòng phương châm của Thầy, bắt

chước y nguyên, đừng sai một vế, mới mong tụ họp con cái của Thầy chung vào cửa Đạo, bằng chẳng thì thà thối bước ra khỏi Thánh Thể của Thầy hơn ở lại làm nhơ làm trược.

Vậy Bản đạo cả tiếng kêu những người đã một lỗ hai lỗ và những bậc xả thân vì Đạo, phải hiệp tâm hiệp trí cùng nhau, chỉ nói một mình Thầy làm đường chơn thật, rồi tha thứ nhau hay là giúp đỡ lẫn nhau đặng tròn phận sự cùng Thầy hầu làm gương báu cho đời, tìm chí thiện do tình lẫn ái.

Vậy chúng ta đồng lực lại với nhau đặng un đúc nền Đạo cho chắc chắn và tạo Đền Thờ của Thầy cho trang nghiêm mỹ lệ đặng qui hồi cả chúng sanh vào nơi lòng thương yêu vô tận của Chí Tôn mà làm cho thân hình của Người khỏi chia phui rời rã.

Nếu mấy lời tâm huyết này không lọt vào tai của chư vị yếu nhơn của Đạo thì Bản đạo sẽ đợi xem cho toàn sự hành động của mỗi người, rồi tuyên bố cho cả chúng sanh thấu đáo. ■

2. TƯ MẮC LÀ AI?

NGUYỄN PHÁT TRƯỚC TỰ TƯ MẮC MÀ CÁC TAY GIAN HỔ THỜI BẮY GIỜ QUEN GỌI LÀ ANH TƯ Đại Ca. Khi ông được tin ông Đốc Học Đoàn Văn Bản có dàn cơ thỉnh Tiên ông đến xem thực giả. Chính dàn Cầu Kho này đã thâu nhận ông là môn đệ của Đức Chí Tôn (1926).

Một hôm ông viết một cái khải (sớ không ai được đọc) vái rồi đốt tại Thánh Thất cầu kho (nhà ông Bản). Thành linh có ông Trần Văn Tạ (sau đặc phong Hộ Đàn Pháp Quân) một nhân viên chánh quyền bước vào. Ông Tư Mặc sợ cơ về trả lời bức mật khải thì ông nguy tính mạng. Vì trong cái khải ấy ông xin giết De la Chevrotièse, Thượng Nghị Viện đồng thời với ông Lê Văn Trung. Lo lắng của ông không xảy ra vì cơ không đáp mà ông Trần Văn Tạ là Đạo Hữu đến hầu đàn chớ không phải với tư cách mật thám.

Tính khí ông ngang tàng, là trùm du đảng vùng Sài Gòn Chợ Lớn, chính quyền Pháp cũng nể vì ông. Cũng có điều lạ, ông rất sợ Đức Chí Tôn sau khi theo Đạo ông lập Thánh Thất Chợ Lớn tại nhà ông, trên lầu thờ Thầy, dưới làm nhà ở và tiếp khách. Đạo hữu đến cúng kiến tại Thánh Thất của ông rất đông, có lẽ họ dựa vào ông để được che chở khỏi bị các tên du đảng bắt nạt, hay một lý do huyền nhiệm nào khác. Sau khi khai Đạo ở Gò Kén (15-10 Bính Dần), ông được ân phong Lễ Sanh Mặc Mục Thanh (phái Thái).

Vì tính khí ngan tàng mà nhiều lần ông đã đề nghị với Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt với sự hậu thuẫn của Đạo nổi lên chống Pháp và chiếm phủ Toàn Quyền. Vì là một bậc chân tu, Ngài Đầu Sư từ chối. Ông Tư Mất tuyên bố hành động một mình, sẽ giết Toàn Quyền Alexandre Varenner (1925–1928). Với tính chất nóng nảy, thiếu kế hoạch và trì chí, rốt cuộc mọi lời tuyên bố của ông đều trôi qua.

Khi nghe tin đồn Ngài Cao Quỳnh Cư lạm dụng, ông vốn nóng nảy bỗng bật, vội về Tây Ninh bạo hành. Hậu quả, cách đó không lâu Đức Chí Tôn đem ông về. Cái chết của ông thật thâm thảm. Lúc bấy giờ ở Chợ Lớn các nhà sang trọng dùng đèn Manchon treo giữa nhà nhưng cái bơm hơi truyền xuống đất, ông lại nằm gần cái bơm hơi này, quấn chặt. Không rõ vì lẽ nào, cái bơm phát nổ, đèn phức cháy luôn xuống cái bơm bắt lửa qua cháy cái chăn. Hạ bộ của ông bị phỏng nặng hỏa nhập, nên vừa đến bệnh viện thì ông chết (1929).

Ngài Thượng Đầu Sư có đến phúng điếu và chia buồn cùng bà Nguyễn Phát Trước và có nói câu: *“Thấy đưa em Tú về sớm là cái hay cho cơ Đạo”*. Ngay đêm hôm đó, đồng tử Trần Văn Hoàng (con ông Trần Văn Tà) chấp bút. Thái Mục Thanh nhập đàn, tỏ vẻ hối tiếc những việc làm đã qua và ông khuyên gia đình nên tu niệm.

■ *(Trích trong Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư của soạn giả Trần Văn Rạng từ trang 39–40)*

Chúng tôi xin trích một đoạn Thánh Giáo liên quan đến ông Tư Mất.

➤ Ngày 25-1 Bính Dần (dl 9-31926)

Mắt! nghe dạy:

*Trước vốn Hỏa Thần ở Ngọc Cung,
Giúp Nam không đặng phận tôi cùng.
Nước đời lắm nỗi chua cay bấy,
Còn đợi chi mong thế vầy vùng.*

Người muốn đặng cha người thế nào, hỏi nơi người. Hễ tu thì cứu đặng Cửu Huyền Thất Tổ, người là hiểu hạnh, chẳng lẽ để cha mẹ chịu đọa A Tỳ. Nghe mà ăn năng sám hối.

THẮNG.

➤ *Tái Cầu:*

CAO ĐÀI

Mắt! người muốn hiểu cha người thế nào, ấy là hiểu hạnh. Ta khen đó. Người làm tội chớ cha người là trung hiếu lưỡng toàn, hay thương yêu đồng chủng, mà bị tội giáo tử bất nghiêm, để đến đổi hại sanh linh đã lắm lúc nên bị tội liên can đó mà thôi, phải ở ngục Nguyên Tiêu mà đợi người đến.

Người phải ăn năn, khuyến thiện và tu tâm dưỡng tánh đặng độ nó và ngày sau đặng qui vị mà khỏi đọa luân hồi. Nghe và tuân lệnh dạy.

Tâm thành của người mới đặng mà thôi.

Người muốn vậy, làm lành lánh dữ. Ngày nào đặng vậy, ta sẽ cho cha người về nói lại cho người biết.

■ *(Trích từ Thánh Ngôn chép tay của Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh trang 136)*

3. TỰ TRỊ BẢN THÂN



ƯƠNG KHẢI SIÊU LUẬN VỀ TỰ TRỊ CÓ NÓI:

“Phàm xưa đến nay những người thành được những việc vĩ đại đều nhờ thắng được mình một cách mạnh mẽ. Người Thái Tây không cần nói đến, cổ nhân cũng không cần nói đến hãy nói đến những kẻ gần đây:

“Tăng Văn Chính” lúc thiếu thời có tật hút thuốc và dậy trễ. Sau định tâm chùa lấy. Ban đầu tật ấy thường quật lại mạnh khó thể trị được; nhưng Văn Chính xem nó như kẻ thù, quyết hạ cho được nó mới nghe. Về sau Văn Chính giết được giặc là Hồng Tú Toàn, một tay anh hùng tái thế hùng cứ hơn 10 năm đất Kim Lăng. Chính cũng là tinh thần ấy mà Văn Chính đã giết dặng cái tật xấu nó chiếm cứ tâm hồn hơn 10 năm.

“Hồ Văn Trung khi ở trong quân mỗi ngày đều đọc Thông Giám 10 tờ.

“Tăng Văn Chính, khi tại quân ngũ mỗi ngày đều viết nhựt ký vài mục, đọc thơ vài bài, đánh cờ một bàn.

“Lý Văn Trung mỗi ngày dậy sớm viết theo Lan Đình 100 chữ.

Suốt đời họ lấy đó làm thường thường, người thường tình thấy thể há chẳng cho rằng những sự tiết ấy không có liên lạc gì đến việc lớn sao? Nhưng các người ấy đâu hiểu dặng rằng đặt ra các phép tắc có chừng mực và làm theo đó luôn luôn một cách không sai chạy, thật là một sự to tát đệ nhứt của phẩm cách con người.

Kẻ khéo quan sát đều xem xét mảnh lục tinh thần con người bằng cách ấy.”

■ *(Trích trang 45-47 Cái Dũng Của Thánh Nhân của Nguyễn Duy Cần)*

4. VŨ TRỤ QUAN CỦA LÃO TỬ

NGƯỜI TA VẪN NÓI TRIẾT HỌC CHỈ LÀ BÀI THUỐC CHỮA BỆNH CHO XÃ HỘI.

Muốn trừ tuyệt nạn xấu xa bất bình trong xã hội, các nhà triết học phải suy tầm cái nguyên nhân của nó. Nhưng vũ trụ chỉ là những đẳng cấp nhân quả nối theo nhau cho được tìm đến nguyên nhân tối sơ, các nhà triết học bắt buộc trở lại nguyên thủy của vạn vật.

Bởi vậy mỗi nhà triết học đời xưa vẫn có một thuyết riêng về vũ trụ. Ở Đông Phương như soạn giả kinh dịch cho rằng Trời Đất do hai nguyên tố âm dương tạo thành. Ở Âu Châu, Socrate Platon thì qui cái thiết lập vũ trụ về Thượng Đế.

Đối với Lão Tử, nguyên thủy của vũ trụ là Đạo, hiểu Đạo tức là hiểu được vũ trụ tức là hiểu được công lệ của Trời Đất và các Đạo lý ở đời.

Các học thuyết của Lão Tử đều ở trong Đạo.

Nhưng Đạo là gì?

Xưa nay người ta thường hiểu Đạo là đường đi, là đường phải, là chủ nghĩa Đạo lý Đạo đức.

Muốn tỏ lý trí của mình là chơn chánh là hợp với lẽ phải, Lão Tử đã mượn chữ Đạo để chỉ một vật khác hẳn. Đạo của Lão Tử là vật cụ tượng nhưng vô hình vô ảnh, nó là nguyên thủy của Trời Đất, muôn vật.

Lão Tử cắt nghĩa Đạo như thế này: *“Có một vật do sự hỗn hợp mà thành; nó sinh ra trước Trời Đất, vừa trống*

không, vừa im lặng, trôi đi khắp muôn nơi mà không thôi, có thể làm mẹ đẻ của thiên hạ. Ta không biết tên nó là chi phải đặt tên chữ cho nó là Đạo và gương gọi là Đại (lớn)”.

Xem thế thì Đạo chỉ là một chữ của Lão Tử miễn cưỡng phải dùng kỳ thật cái vật nguyên thủy sinh ra Trời Đất vẫn là một vật không tên, hay nói cho đúng nó chưa có tên, vì nó có trước loài người và nó chưa thành ra một hình thái nhất định.

Muốn cho người ta khỏi lầm chỗ đó, Lão Tử nói thêm: *“Nguyên thủy của Trời Đất là Đạo, nó là vật vĩnh viễn bất diệt, nhưng nó không có tên, chỉ lúc đầu tạo thiên lập địa sinh ra vạn vật, người ta mới đặt tên cho nó. Vì thế “cái Đạo” mà người ta có thể nói thì không phải là Đạo vĩnh viễn bất diệt lúc nguyên thủy, cái danh mà người ta có thể gọi tên không phải là danh vĩnh viễn, bất diệt. Cho nên thường lúc thì “không” cho người ta trông thấy cái ảo diệu của nó. Thường lúc thì “có” để người ta thấy cái phạm vi giới hạn của nó.”*

Đạo là một chất ảo diệu vô cùng, lúc có thể có, lúc có thể không nhưng kết quả đều là một, vì thế Lão Tử nói: *“Hai cái ấy tuy khác nhau nhưng đều là một nơi mà ra, đều là một cái huyền diệu, huyền diệu đến mấy từng và là cái cửa (cái nguồn gốc) của tất cả các huyền diệu khác.”*

Lão Tử lại cho cái cảnh tượng mênh mông của sông núi cũng là một hình trạng của Đạo cho nên mới nói: *“Cái tinh thần mênh mông bất tử của hang núi gọi là cái khe huyền diệu, cái cửa của nó tức là gốc của Trời Đất dần dật còn mãi dùng nó không hết”.*

Đạo có 3 cái đặc tính: *“Trong không thấy, nghe không*

thấy, nắm không được. (Thị chi bất kiến, thính chi bất vãn, đoán chi bất đắc).

Ba đặc tính ấy Lão Tử đặt tên là “*di*”, “*hy*”, “*vi*”.

Di hy vi không thể phân tách ra mà tra xét rõ ràng nên phải hợp lại làm một. Vũ trụ bấy giờ hiện một cảnh tượng phức tạp “*Nhân nhật không thể đặt tên là gì, ở trên là Đạo huyền diệu không ai thấy, nhưng ở phía dưới người ta có thể nhận xét được rõ ràng, cảnh tượng ấy lại trở về chỗ “vi vật”*”. Lão Tử gọi cái trạng “*không hình trạng*”, cái tượng “*không vật chất*” tức là “*hoảng hốt*”.

Vũ trụ là một đẳng cấp mà nhân và quả nối tiếp nhau theo lẽ tuần hoàn, người ta không thể thấy chỗ đầu và chỗ cuối, mỗi người chỉ sự vô cùng (infini) ấy, Lão Tử nói “*Đón nó thì không thấy đầu, đi theo nó thì không thấy đuôi của nó*”.

Chỗ khác muốn tả thể chất kỳ diệu của Đạo, Lão Tử lại nói như vậy: “*Đạo là một vật chỉ có mập mờ, nhưng mà ở trong vẫn có hình tượng*; mập mờ thấp thoáng nhưng mà ở trong vẫn có vật thể. Vậy thì Đạo của Lão Tử là nguyên thủy của toàn thể vũ trụ. Vạn vật trong vũ trụ đều là trạng thái khác nhau của Đạo. Lão Tử dùng Đạo lẫn với không gian (espace) có ý muốn buộc vật chất với không gian là một.

Đạo của Lão Tử có thể ví với Monade của Leibnij. Hai đàn cũng một chất sinh hoạt tự nhiên. Lão Tử khác hẳn Leibnij ở chỗ không chia linh hồn và vật chất riêng ra làm hai.

■ (Trích trang 35–40 *Lão Tử của Ngô Tất Tố*)

5. THIÊN NHƠN TƯƠNG HỢP

TÂU CHUYỆN NGỤ NGÔN SAU ĐÂY CỦA ẤN ĐỘ SẼ NÓI LÊN CÁI CHÂN LÝ “*THIÊN NHƠN TƯƠNG HỢP*” của thuyết chu kỳ:

Một người kia có mua của người láng giềng một miếng đất để cất nhà. Hôm ngày đó lại trùng vào chót của “*thời hoàn kim*” sắp chuyển qua “*thời hắc ám*”. Vừa mua xong anh ấy liền đào đất để dựng cột lại đào trúng hủ vàng. Anh liền lật đật sang nhà anh láng giềng chủ cũ miếng đất cho hay: “*Tôi mua đất, không có mua hủ vàng. Vậy xin trả lại anh hủ vàng*”. Người kia nói: “*Tôi mừng cho anh đấy, khi tôi bán miếng đất là tôi bán tất cả những gì trong đó. Như thế nó là của anh, tôi đâu có quyền nhận nó*”.

Hai bên cứ nhường nhịn nhau mãi đến khi tối trời, không ai chịu nhận hủ vàng cả. Họ mới đồng ý là để gát chuyện ấy qua ngày hôm sau để có một đêm về suy nghĩ lại.

Đâu ngờ đêm ấy vào giờ tỵ, thế giới đan chuyển mình sang từ thời hoàng kim qua thời hắc ám: ngọn gió âm thổi tràn khắp cả địa cầu (Nói theo kinh dịch quá Kiều chuyển thành quả Cầu, nhất âm sinh. Tinh thần cao khiết bất vụ lợi của hai người bị luồn khí hắc ám ảnh hưởng mà không hay.

Sáng ngày hai người gặp nhau như đã hẹn. Người mua đất nói: “*Tôi đã nghĩ lại, lời nói anh hôm qua rất hữu lý. Tôi đã mua đất và mua tất cả những gì chứa đựng trong đó*”.

Người chủ cũ miếng đất cũng nói: “*Hôm qua tôi đã*

nghe sai. Tôi chỉ bán cho anh có miếng đất, đâu có bán hủ vàng, đúng như lý luận của anh, anh trả lại tôi hủ vàng là chí lý”.

Hai người cãi nhau, ai giữ ý nấy, không ai chịu nhường cho ai hủ vàng. Họ trở nên thù địch, kéo nhau ra tòa, dùng đủ thủ đoạn pháp lý để thắng bên kia, tin rằng mình vì công lý mà tranh đấu.

Câu chuyện trên đây thật vừa sâu sắc vừa dí dỏm, nói lên một cách rõ ràng và giản dị ảnh hưởng các chu kỳ qua tâm hồn con người như ta vừa thấy ảnh hưởng của chu kỳ 11 năm của mặt trời. Qua thời “*hắc ám*” tức là thời kỳ đi sâu lẫn vào khí âm. Những người sống trong chu kỳ này, dù sao cũng bị ảnh hưởng ít nhiều tư tưởng duy vật, tâm hồn bị co rút trong âm lạnh mà không hay. Thời kỳ hắc ám là thời kỳ mà tư tưởng duy vật được bành trướng mạnh nhất, thời kỳ của chủ thuyết khoa học chính xác và cơ giới đả đảo và sinh sản dễ dàng mau lẹ nhất.

Thời này “*sinh ư né*” mà “*bất nhiễm ư né*” thật khó. Bậc hiền Thánh cũng không sao hoàn toàn không bị xú nhiễm. Dù có ăn mặc sạch sẽ đến đâu, dầu có cẩn thận vén khéo đến bực nào khi đi ngan chợ cá tôm không làm sao giữ cho hơi thở cũng như áo quần đừng cho có mùi hôi. Vì vậy đời nào cũng thế, bậc hiền giả ít ai chịu sống chen vào chốn bụi hồng mà thường ưa thích sống ở những nơi tĩnh mịch. Thơ xưa có câu: “*Không sơn tịch mịch Đạo tâm sinh*”, còn Kinh dịch cũng đã khuyên: “*Thiên địa bế, hiền nhân ẩn*”.

Chủ nghĩa cá nhân ngày nay đã đến tột độ của con

đường đi lên từ khi nó đi xuống, nó sẽ sa mạnh vào xã hội chủ nghĩa với một tổ chức cực đoan kinh khiếp bao vây và giết chết đời sống cá nhân trong trứng, vì đời sống cá nhân bây giờ chỉ còn là một con số không to tướng, vô danh, vô trách nhiệm. XHCN cực đoan là một âm khí đầy đặc đã làm tiêu ma mọi sáng kiến cá nhân: tập đoàn chỉ huy, cá nhân phụ trách. Thời hắc ám là thời của quần đoàn, của cái gọi là dân chủ mà những bậc vĩ nhân phải lui vào bóng tối vì bao giờ họ cũng là phần thiểu số. Trong thời buổi hiện đại kẻ ngu phê bình người trí, kẻ dốt đặt lễ lối cho người khôn ngoan, sự sai lầm được đặt trên chân lý, thế nhân thay vào hàng trí thức.

Các nơi tu hành cá nhân đã biến thành những nơi “*chợ búa*” thiên hạ vào ra tấp nập bàn tán đến những chuyện lời lỗ bán buôn.

Chúng ta ngày nay đang đi vào vòng xuống, nhưng lại cứ tin mình tiến bộ mà chê người xưa là lạc hậu. Quả là một ảo vọng to tát, nếu bảo là tiến bộ thì nên bảo tiến bộ theo cái vòng đi xuống, tiến vào bóng tối của khí âm, của mùa thu đông sắp tới. Lạ gì những kinh sách của người xưa để lại như Dịch Kinh, Đạo Đức Kinh, Nam Hoa Kinh, Kim Cang Kinh đã được mấy người để ý và hiểu được chân giá trị của nó. Tệ hơn nữa họ còn cho đó là những thứ sách mù mờ huyền bí mà họ đồng hóa với dị đoan mê tín.

Đối với họ 1 là 1 chứ không thể là 2; họ chỉ hiểu nghĩa đơn chứ không bao giờ chịu hiểu hay hiểu nổi nghĩa bóng của danh từ. Ngay như quyển Bible mà họ còn không hiểu nổi trong đó họ muốn gì. Khi mà văn nghệ đã tạo ra được một số danh phẩm đến mức tuyệt cao rồi thì tự nhiên bắt

đầu tụt xuống. Sự lên xuống ấy hoàn toàn không do yếu tố khác nào của văn minh chi phối cả, mà chính là do sự tự nhiên đi xuống của nó sau một thời buổi lên cao như luật tiêu tướng của Âm Dương.

■ *(Trích trang 52–58 Chu Dịch Huyền Giải của Nguyễn Duy Cần)*

6. Ả CA NHI

THUỠ TRƯỚC PHẬT THÀNH ĐẠO VÀ ĐI THUYẾT PHÁP ĐƯỢC 17 NĂM. Ở THÀNH VƯƠNG XÁ CÓ một ả ca nhi nổi danh tài sắc. Bấy giờ Phật và đệ tử ngụ tại vườn tre. Hằng ngày di tử ôm bình bát đi hóa trai. Cô ả ấy tên là Ri-ma-ti (Crimati) tuy là người gian hồ phong nguyệt từng làm chìm đắm nhiều khách tài hoa, nhưng ả có lòng từ, thường dâng cơm cho chư tăng Phật tử. Mỗi vị Sa Môn quen đến nhà cô, mỗi khi đến thì nhận rất nhiều cửa lễ. Một hôm có một thầy, nhân phải một cơn quên mình bèn ngó ngay cô. Từ đó về sau, thầy lại mang nặng khối tình vì cô.

Một bữa kia cô đau nhưng cũng gượng dậy mà cúng dường cho các sư. Cô tuy ốm nhưng không ăn mặc trang hoàng, song cũng tiếp rước mấy sư, nên cho thỉnh vào nhà để cô dâng đồ lễ. Lúc ấy cũng có vị sa môn si tình đi chung. Thầy thấy cô y phục không kỹ lưỡng, càng trông càng thấy có vẻ xinh, thầy cũng bị đắm vào tình thân, không lướt qua khỏi sức mạnh của ái tình. Thầy về đến tịnh xá không ăn uống nữa và tách riêng một mình, luống những tưởng đến ả ca nhi.

Chẳng bao lâu, cô ả thác. Phật muốn làm cho thầy không còn phải sa mê. Ngài để cho cô thác đến bốn bữa, bèn đi lại nhà cô, lúc ấy thấy cô thành ra thúி tha hôi hám.

Phật hỏi Vua Tân-bà-sa-la có mặt tại đó rằng: *“Một đồng dưới đất đó là vật gì vậy?”*. Vua đáp: *“Ấy là xác của Ri-ma-ti”*.

Phật phán: “Đó, hồi ấy còn sanh tiền người ta dám phí bạc trăm, bạc ngàn ra để chung vui một đêm. Bây giờ có ai muốn trả chường phân nửa tiền đó để mua vui với ấy nữa chẳng?”

Vua đáp: “Không, trong nước tôi chắc không ai chịu bỏ ra một đồng điếu vì xác ấy. Mà chắc cho không cũng chẳng ai nhận lãnh thây ấy nữa”.

Liên đó Phật dai lại nói với đại chúng bao quanh Ngài rằng: “Đây nầy, thấy ả Ri-ma-ti, xưa nổi danh là tay ca nhi đúng bực, đẹp đẽ hơn người. Cái sắc đẹp ấy đã làm cho biết bao người yêu thương, bây giờ không ai đoái hoài. Trong trần cái gì cũng tan rã, cái gì cũng giả dối hết”.

Nghe Phật thuyết lý, 92 ngàn người được hiểu biết bốn nền diệu lý (Tứ diệu đế khổ).

Vị Sa Môn kia được giải thoát khỏi bẫy dục tính.

■ (Trích trang 43 *Chuyện Phật Đời Xưa của Đoàn Trung Còn*)

7. TRỤ TRÌ THÍCH GIÁC QUANG THỈNH GIÁO

*Kính hỏi Đại Huynh ở Thánh Tòa?
Chứng nào khai diễn Hội Long Hoa?
Đạo còn mấy kỷ năm thân độ?
Đời đời bao lâu thế giới hòa?
Tam giáo qui nguyên chừ mới có?
Bắc Nam thống nhất lúc nào ha?
Nhơn loài đã khổ ai ra cứu?
Mong được quý Ngài giải thích qua.*

AN DÂN HỌA

*Tam giáo suy ra cũng một Tòa,
Ngày nào hội hiệp ấy Long Hoa.
Thiên thời định thế cần khôn định,
Địa lợi hòa nhơn vũ trụ hòa.
Diệt ngã vạn thù tri chủ tế,
Hợp quần nhất quốc niệm Ma Ha.
Khổ kia nhơn loại tuy Trời cứu,
Mình tự cứu mình bốn giác qua.*

HUỆ PHONG HỌA

*Tôn giáo chừng qui lại Bửu Tòa,
Ngày Trời mở hội Đại Long Hoa.
Đạo quyền một khối Tam Kỳ hợp,
Thế kỷ hai mươi nhất định hòa.
Ba mối chơn truyền tin chắc vậy.
Hai miền Nam Bắc lạ gì ha.*

*Chí Tôn đến hứa cùng nhơn loại,
Sớm biết tu thì khổ nạn qua.*

HUỆ NGÀN HỌA

*Xin đáp từng câu quý Thượng Tòa,
Người tu tự hiểu buổi Long Hoa.
Đạo tùy duyên độ không kỳ được,
Đời diệt mầm tranh đến lúc hòa.
Tam giáo phần kia thừa hiện đã.
Bắc Nam việc ấy “húy” nghe ha^[1].
Và tình nhơn loại thương nhơn loại,
Dứt cuộc tương tàn khổ nạn qua.*

[1] chữ “húy” là kỵ không dám nói.

8. SỰ SAI LẦM

TUÂN TỬ NÓI: “CÁI TÂM CỦA NGƯỜI TA NHƯ MÂM NƯỚC ĐỂ NGAY MÀ KHÔNG ĐỘNG THÌ NHỮNG CÁI CẶN, CÁI ĐỤC LẮNG XUỐNG DƯỚI ĐÁY, CÁI TRONG, CÁI SÁNG NỔI LÊN TRÊN CÓ THỂ SOI RÕ RÊU MÀY VÀ CẢ NHỮNG CÁI NGẮN MẶT. ĐẾN KHI CÓ NGỌN GIÓ THỔI QUA, CÁI CẶN CÁI ĐỤC ĐỘNG Ở DƯỚI, CÁI TRONG CÁI SÁNG LOẠN LÊN TRÊN THÌ CẢ CÁI MẶT CŨNG KHÔNG THỂ SOI RÕ ĐƯỢC.

Tâm của người ta cũng thế, lấy cái lý mà Đạo dân, lấy cái khí khinh thanh mà nuôi, khiến cho ngoại vật không thể làm nghiêng lệch được thì dù định được điều phải, trái, quyết được việc hiểm nguy. Nếu để một vật nhỏ quấy nhiễu làm cho cái ngại chánh ở ngoài thay đổi đi, cái tâm ở trong nghiêng lệch đi, thì dù đến cái lý thô thiển cũng không quyết được”.

Vậy bao nhiêu những điều sai lầm đều do cái tâm không định mà ra, cho nên kẻ học giả phải biết tĩnh tư, biết chuyên nhứt để có cái định. Phàm xem xét vạn vật mà có nghi ngờ. Trong tâm không định thì không biết rõ những vật ở ngoài. Cái trí bộ của ta không biết rõ thì chưa thể định được cái phải và cái không phải. Người đi lúc mờ mờ tối trông thấy hòn đá cho là con hổ nằm, thấy đám cây trong rừng cho là có người đi sau: cái tối mờ che cái sáng vậy. Người say rượu nhảy qua cái ngoài 100 bước, cho là nhảy qua cái rãnh không đầy một bước; cúi xuống đi ra cửa thành, cho là cửa thành nhỏ như là cái cửa buôn: rượu làm loạn cái tinh thần vậy. Bịt mắt mà nhìn thì trông một cái hóa ra hai, bịt tai mà nghe thì nghe ù ù hết cả: cái

thế làm loạn tai mắt vậy.

Đứng trên núi trông con trâu thấy nhỏ như con dê, nếu đi tìm bắt dê thì cũng không xuống mà dắt được: cái xa che cái lớn vậy. Đứng dưới núi trông cây cao mười trượng, ở trên núi thấy như một chiếc đĩa, nếu đi tìm chiếc đĩa thì không trèo lên mà bẻ được: cái cao che cái dài vậy. Người lòa không trông thấy sao trên trời, không thể nào nói là có hay không, là vì cái sáng của mắt làm sai lầm. Nếu có người lấy những lúc ấy mà định các vật thì lờn người ngu ở đời vậy. Kẻ ngu kia định vật là lấy cái ngờ mà quyết cái ngờ, thì cái quyết ấy chắc không chánh đáng. Đã không chánh đáng thì sao cho khỏi sai lầm được.

Vì ngoại vật làm nhiều loạn ngũ quan cho nên cái tâm không biết rõ các vật, bởi thế mới sinh ra sự sai lầm. Cái tri thức của người ta dễ sai lầm như thế cho nên kẻ học giả phải cần có cái để làm tiêu chuẩn mà theo. Phàm cái mà lấy để biết cái tính của người là cái có thì lấy để biết được cái lý của vật, mà không có cái ngờ để ngăn lại thì suốt đời già tuổi cũng không biết hết được. Dù có suốt được lý đến vạn ức nữa, cũng không suốt khắp cả được sự biến của muôn vật, thì cũng không khác gì người ngu.

Học giả đời, con đã khôn lớn mà vẫn như người ngu và vẫn không biết điều sai lầm. Như thế gọi là vọng nhân. Cho nên kẻ học giả vốn học cho đến chỗ thôi. Chỗ thôi là đâu?

– Rằng thôi ở chỗ chí túc (chỉ như chí túc). Cái chí túc là cái gì?

– Rằng: bậc Thánh là bậc Vương vậy.

Thánh là bậc biết hết các vật lý dương là bậc đặt ra

hết các chế độ. Hai cái hết ấy đủ làm phép tắc cùng cực cho thiên hạ vậy. Cho nên kẻ học giả lấy bậc Thánh, bậc Vương làm Thầy, lấy cái phép của bậc Thánh, bậc Vương để tìm cái mối, phân biệt các loài của bậc Thánh, bậc Vương để noi theo mà bắt chước. Theo những bậc ấy mà làm kẻ sĩ; đồng loại với những bậc ấy, gần được như những bậc ấy là người quân tử; biết rõ cái Đạo của những bậc ấy là Thánh Nhân.

Tuân Tử theo cái tông chỉ nho giáo sùng bái các bậc Thánh Hiền và để vương đời trước, cho những bậc ấy đã biết hết cái biết, làm hết việc làm rồi. Người đời sau chỉ nên lấy sự biết và sự làm của những bậc ấy để làm tiêu chuẩn cho sự học vấn và sự tri thức thì có thể tránh khỏi những điều sai lầm. Đại khái về phương diện ấy thì ý kiến của ông cùng với ý kiến của Mạnh Tử cũng tương tự nhau, song có cái điều là cái học ấy chỉ tiện cho đường tri chủ mà hại cho đường tiến thủ. Vì đã cho bậc Thánh, bậc Vương biết hết, cái biết và làm hết việc làm rồi thì cái học của người ta đến đó là giới hạn, không lên cao hơn được. Thành thử nhân trí đến đó không tiến lên được nữa.

■ *(Trích trang 249-251-Nho Giáo Quyển Thượng của Trần Trọng Kim)*

9. TƯƠNG DUNG TAM GIÁO

TÓ LẼ XƯA KIA, NƯỚC NGA LÀ MỘT ĐỊA ĐIỂM THUẬN TIỆN NHỨT ĐỂ QUAN SÁT NÉT ĐẶC SẮC của Đông Phương; vì mạng Đông của Nga chịu ảnh hưởng của Phật và một ít Nho, Lão. Các Nga Hoàng nhận thức được điểm đó nên thường khuyến khích các giáo phái phải ở mạng Tây tản cư qua rạn núi Caucase và Oural để tránh sự bách hại của nhóm chính thống thường gây ra bên miền Tây.

Một khi bước chân vào miền Đông, họ sẽ thở hít bầu không khí Tương Dung cởi mở: “*Bên cha cũng kính, bên mẹ cũng vái*”. Cùng một gia đình, có khi Bà theo Lão, Mẹ theo Phật, Cha theo Khổng và vẫn niềm nở đón nhận những ngày cúng vái siêu độ.

Hơn thế nữa, một người theo 2, 3 tôn giáo là chuyện thường. Bên Nhật năm 1950, người ta tính ra trong số 80 triệu dân thì 63 triệu người theo Thần giáo, trong số này có 40 triệu người cũng theo Khổng giáo. Điều đó có thể thật cho Đại Hàn, Việt Nam, Trung Hoa. Nhân đó số người theo 3 Đạo khi cộng lại có thể gấp đôi dân số là chuyện có thật không phải là điều tính lăm như một số quan sát viên ngộ nhận.

Trong đời sống chúng ta có thể gặp biết bao những trường hợp như thế, chẳng hạn như Dương Hùng lúc hấp hối người ta thấy tay trái cầm sách Đạo Đức Kinh và Luận Ngữ, tay phải cầm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

Người ta tìm thấy một tượng vua Phục Hy vào lối

năm 497–569 đầu đội mũ Lão, chân đi ủng Khổng, vai khoát cà sa Phật.

Giáo Sư Herbert nhận xét rất đúng bên Viễn Đông một quan có thể theo Khổng lúc làm việc ở công đường, theo Lão lúc nhàn tâm ngao du sơn thủy, rồi theo Phật trong lúc tọa thiền. Ta có thể nói chung rằng, trong những thời kỳ văn hóa lên cao thì hiện tượng Tam giáo hòa hợp cũng trở nên khấn khít và một học giả theo cả ba Đạo kiểu Tam Tông Miếu là chuyện không có gì lạ cả. Đó chỉ là óc Tương Dung còn được duy trì và hình như ngày nay đang phát triển trở lại.

Ông Wing Trit Chan có kể ra đến 10 phái mới lập bên Viễn Đông có khuynh hướng đó. Năm phái thì tôn thờ Tam giáo Đông Phương, 3 phái có thêm vào cả Judêu Islam, Ki tô. Một vài nhóm còn thêm những danh nhân như A. Conte, và ông có đem cử ra một thí dụ bên Nhật có miếu thờ Bát Thánh: tức là bên cạnh Tam Thánh còn có Jesu, Socrate, Mahomet, Kobo Daishi và Nhật Liên.

Vì thường có những chuyện Tây Âu cho là không thể hiểu chẳng hạn: Bên Lào nhiều chùa sai Ki Tô giáo muốn truyền bá Đạo có thể đến chùa xin sư ni ở đó lên hiệu trống hay chuông gọi dân đến nghe thuyết về Ki Tô giáo. Hoặc bên Nhật Bản, lễ an táng các sư Thần Đạo thường được các sư bên Phật cử hành.

Nhờ óc Tương Dung mà khu vực ảnh hưởng của Tam giáo mở ra rất rộng lớn: Từ Tibet đến Tích Lan, từ sông Gange đến Nhật Bản, cũng như số người hấp thụ rất đồng, vượt xa các nhóm tôn giáo khác và hiện nay Nho Thích được kể là 2 Đạo lớn trong số 5 tôn giáo của nhân loại.

Cho nên trong di vãng Tam giáo Đông Phương là một sự kiện mệnh mông đồ sộ, có một thành tích thống nhất nhân loại rất đáng kính nể và cứ sự có lẽ đó là một thực hiện đầu tiên của lý tưởng chung sống êm đềm; ai nấy vẫn giữ được sắc thái riêng mình, và gắn đây cả ba vẫn còn gây ảnh hưởng vào nền văn hóa mới.

Khổng giáo: đã ghi dấu vào chế độ thi cử tuyển lựa nhân tài, cũng như trong việc thiết lập nền triết học dung lý Tây Phương thế kỷ 18.

Lão: quyển Đạo Đức Kinh đã gây một tiếng vang sâu đậm trên trí thức nhân loại.

Phật: Nếu xét như một nền nhân bản có thể thu hút được nhiều cảm tình có nhiều liên hệ với kho tâm lý các miền sâu.

Dĩ vãng cũng như cận đại đã có thành tích như vậy, nên ta có quyền đặt tin tưởng vào tương lai Tam Giáo xét như là một nền triết lý nhân sinh cũng như là một nền nhân bản vừa tinh tuyển vừa toàn diện, tức là những điều kiện đáp ứng được nguyện vọng của nhân loại trong 2 thế kỷ sau cũng đang biểu lộ ở văn hóa Liên Hiệp Quốc, trong viễn tượng đặt nền văn hóa trên nhân bản để tìm cho nhân loại một nền tảng thống nhất. Vì thế ta hiểu tại sao trong cả 3 lần hội nghị Quốc triết lý tam giáo Đông Phương đã chiếm được địa vị danh dự.

■ *(Trích trang 134–138 Triết Lý Giáo Dục của Kim Định)*

10. GIÁ TRỊ CỦA TỰ ÁI

TÔNG TỬ TRÙNG NHĨ ĐỜI NHÀ TẤN THỜI CHIẾN QUỐC, ĐẤT NƯỚC LOẠN LẠC HIỂM HỌA ĐAO binh đang hồi bộc phát dữ dội, vì lo sợ thân mình bị âm mưu hãm hại cùng đám tôi thân lưu vong sang nước khác để lánh nạn

Trong số người theo chơn Trùng Nhĩ, riêng có Giới Tử Thôi là người hiền lành, ít nói, một ngày không mở miệng nói lấy một lời nào, dù gặp bao khó khăn gian khổ chàng vẫn âm thầm chịu đựng không tiếng oán than. Vì bước bôn đào nên đi mãi cũng phải hao mòn, đến khi hết tiêu lương thực, tiền bạc cũng tiêu ma, bọn chúa tôi Trùng Nhĩ có lúc phải đi ăn xin để lấy tiền độ nhật.

Một hôm lương thực cạn dần, cả chúa tôi phải đói, phần mệt vì đường xá đã quá xa nên mọi người đều lả không sao đi nữa. Trùng Nhĩ vì quá mệt đã gối đầu vào người Hồ Mao mà nằm. Bọn tôi thân chia nhau, người kiếm rau, kẻ lo hái cỏ về dùng tạm qua ngày, nhưng vì món ăn quá ư cực khổ nên Trùng Nhĩ không sao ăn được đành nhịn đói.

Đứng trước trạng huống đau lòng như vậy, Giới Tử Thôi phân vân nghĩ ngợi. Cuối cùng chàng liền quyết định cắt thịt đùi mình làm phần ăn cho công tử Trùng Nhĩ đỡ dạ. Sau khi làm xong, Giới Tử Thôi liền đem bát thịt đùi dâng cho Trùng Nhĩ. Phần vì đói, phần vì mệt, Trùng Nhĩ không đặng đo suy nghĩ nên ăn rất ngon lành. Lúc ăn xong thấy người khỏe khoắn, Trùng Nhĩ liền hỏi Giới

Tử Thôi: “Giữa chốn thâm sơn cùng cốc này làm sao kiếm được thịt mà khanh lại dùng cho ta như thế?”

Giới Tử Thôi liền lấy tay chỉ vào đùi mình mà thưa rằng: “Thưa công tử, trong chốn rừng rậm hoang vu này làm vì có thịt. Sở dĩ có được bát thịt này là chính thịt đùi của tôi đây. Tôi đã từng nghe rằng: Bạc hiếu tử phải xả thân kính thờ cha mẹ, đáng tôi trung phải bỏ mạng thờ vua. Nay trên bước đường lưu lạc như vậy, công tử là bậc quân vương mà tôi là người phò tá. Tôi trộm nghĩ bốn phận của bầy tôi không gì hơn là liễu thân này mà cứu lấy quân vương cho trọn Đạo quân thần. Nghĩ thế cho nên tôi phải cắt thịt đùi làm canh để công tử đỡ dạ”.

Nghe xong câu nói của Giới Tử Thôi, công tử Trùng Nhĩ liền ôm chầm lấy Thôi mà khóc: “Nhà người đã vì mạng sống của ta mà hy sinh thân thể, vậy công lao này làm sao ta trả được. Ta nguyện với Trời đất, nếu sau này ta khôi phục được gian san nhà Tấn ân của người ta khác cốt ghi tâm”. Bước đường lưu vong của vua tôi nhà Tấn lại tiếp nối.

Sau 19 năm lo khôi phục, Trùng Nhĩ lên ngôi lấy niên hiệu là Tấn Văn Công.

Một hôm Giải Trương vào châu Văn Công tâu cùng vua: “Giới Tử Thôi vì không muốn được ân mưa móc của bệ hạ nên đã công mẹ vào tận rừng Miêu Thượng mà ở rồi”.

Văn Công phán: “Ngày nay Giới Tử Thôi đã đi rồi, nếu ta không nhờ khanh gửi bức thơ này thì chắc có lẽ ta quên mất công lao trọng đại của Giới Tử Thôi. Vậy nhân đây ta cũng phong cho người chức quan đại phu để gọi là thưởng thường cho người đã nhắc lại công ân của trung thần

mà ta đã thọ ân. Vậy ngày mai nhà người hãy đưa ta đến rừng Miêu Thượng tìm cho được Giới Tử Thôi để tạ lỗi cho phải Đạo”.

Giải Trương tâu: “Thôi là người con chí hiếu, vậy thần xin dâng một kế là bệ hạ nên phóng hỏa khu rừng này, thấy lửa cháy tự nhiên Thôi phải cõng mẹ chạy ra.”

Tấn Văn Công cho là diệu kế nên truyền lệnh phóng hỏa khu rừng.

Lửa đã tàn mà chàng trai họ Giới vẫn không thấy nơi đâu. Tấn Văn Công lấy làm lạ và rảo bước một lần xem sao. Khi vào đến chân bờ suối, thì một cảnh tượng đau lòng hiện ra trước mắt nhà vua: Mẹ con Giới Tử Thôi ôm nhau chết cháy dưới chơn bờ suối!

Trước thảm trạng này, Tấn Văn Công ôm thây kể tội trung nức nở. Lòng đức quân vương dâng lên niềm đau xót thương cho một đấng tôi hiền, thà cam chịu chết chứ không chịu nhận ân vua, khi mà vua đã lãng quên. Tấn Văn Công vật vã khóc than thảm thiết, đoạn ra lệnh đem thi hài mẹ con Giới Tử Thôi về mai táng và lập đền thờ. Bao nhiêu ruộng vườn quanh vùng nhà vua cho lập tự điền để thu lợi tức cúng tế mẹ con Giới Tử Thôi.

Cũng từ đó, ngọn núi nơi Thôi chết được đặt tên là Thôi Sơn.

Sau khi Giới Tử Thôi chết rồi, Tấn Văn Công buồn rầu vô hạn và tỏ ra hối hận vô cùng, vì đã quên đi một người trung nghĩa, suốt đời tận tụy hy sinh nhưng lại không được đáp đền ân nghĩa.

Tấn Văn Công cũng cho người làm một đôi giày bằng cây để thường ngày mỗi lần xỏ chân vào giày là Tấn

Văn Công lại ngó xuống chân đôi giày ấy gọi cho vua nhớ thương người trung nghĩa. Và cứ mỗi lần mang giày là Tấn Văn Công lại ôm chân kêu lên 3 tiếng “Ôi Túc Hạ”, ngụ ý nhắc đến người lấy thịt đùi dâng cho mình ăn trong những ngày lưu lạc.

■ *(Trích trang 21–31 Đạo Đức Cổ Nhân của Nguyễn Hữu Trọng)*

11. QUAN ÂM BỔ TÁT GIÁNG CƠ

➤ *Thanh Trước Đàn, 12-7-Nhâm Thìn (dl 31-08-1952)*

Phò loan: *Giáo Hữu Khai-Minh Liêm.*

Sau khi Đức Huệ Mạng Kim Tiên giảng cơ, kể có Quan Âm Bồ Tát giảng cơ khuyên tu:

QUAN ÂM BỔ TÁT



NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

Bản Đạo xin mừng chư thiện nam tín nữ.

THI:

QUAN nam diêu được chí từ bi,

ÂM đức cứu dân mới đắc thì.

BỔ Đạo kỳ ba thân nữ độ,

TÁT giảng đức cảnh thế nên ghi.

Hôm nay về cùng tín nữ phân ưu Đạo hạnh cũng nơi lòng hám mộ cửa từ bi, để mong sau thoát oan khiên nghiệp chướng, do bởi thế trần tạo đây cảnh khổ mà chúng sanh phải vướng cuộc trầm luân, thì bao giờ rời khỏi được cái thân nhi nữ thường tình, nếu không sớm lo giải cứu thì sau này hối hận đừng nói sao trễ bước.

Công bấy nhiêu thì quả bấy nhiêu, chỉ có tâm nhiệt thành Đạo hạnh thì cơ siêu thoát mới mong hưởng đặng. Còn một điểm luyện trần thì khó mong cứu độ, chừng ấy ăn năng quá muộn, quý nhứt sớm ngộ Tam Kỳ mà không

tròn bốn phận thì uống một kiếp sanh vô lối, dầu khổ cực cũng lẳng lóc theo cơ Đạo để tạo nghiệp nơi cảnh hư vô. Nếu Bản Đạo nói tận cùng thì thiện tín phải kinh tâm mà chớ. Thật cõi trần gian là nơi hãm con người vào vòng truy lạc, lại là kiếp khổ tái sinh nếu không ngộ Tam Kỳ.

Ở Thiên cảnh ngộ nơi trần thế thì bắt ngậm ngùi cho thế, chung quanh là ô trượt để gạt và quyến rũ con người vào vòng tội lỗi, rồi chịu kiếp luân hồi khó mong nhìn Thượng giới.

Mãi bôn xu theo danh cùng lợi, là điều buộc chặt linh hồn đó. Dưới thế gian mượn nước gội sâu, chớ toàn đều như ướm cả.

Thần Tiên rất sợ nơi cõi thế này lắm, chỉ mượn cơ đời để mong giác ngộ. Nếu hữu duyên thì tránh được hầu bước qua cảnh mới, tức là siêu hình đó.

Bản Đạo cảm ơn và ban ơn cho

THĂNG.

12. ĐỨC PHẬT MẪU KHUYẾN TU

➤ *Thanh Trước Đàn, 12-7-Nhâm Thìn (dl 31-08-1952)*

Phò loan: *Giáo Hữu Khai-Minh Liêm.*

ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

MỤ MỪNG CÁC CON.

Hèn lâu nơi cõi vô hình mãi trông đám nữ nhi được cao thăng Đạo hạnh. Mẹ rất buồn lòng cho nhiều đứa quá luyện trần rồi cam chịu khổ. Cả một kiếp sanh chẳng phải mau được, vì chịu luật luân hồi vai trả với cơ Đạo.

Dầu cho đến bậc La Hán còn phải tái trần hầu lập thân để mong thành chánh quả. Còn Kỳ Ba là cơ Đạo của Chí Tôn ân xá mà nếu còn nhẹ tâm tánh, khó mong đoạt vị, phải chuyển ít nữa là đôi ba lần mới mong về Cung Diêu được đó.

Các con ráng thế nào cho nên người Đạo hạnh hầu một ngày kia Mẹ đón rước nơi Cung Diêu mà còn phải mừng rỡ mới là cao địa vị đó.

Mẹ mừng cho đám nữ nhi hiện thời chịu phần huấn luyện của Ngũ Nương cũng có phần khá lắm nhưng chỉ một ít, còn lại cầu vui thôi, chớ được trọn hết thì Mẹ có lo chi.

Thôi Mẹ ban ơn cho toàn nam nữ.

THĂNG

➤ TÁI CẤU:

LỤC NƯƠNG

THI:

HUỆ trắng hương thơm đẹp vẽ xuân,
Trời Nam hạc múa để tin mừng.
Rượu đào thường Nguyệt dân Hồng Lạc,
Vất vả qua rồi sắp đến Xuân.

Xuân sắp đến là Xuân tươi trẻ,
Cuối năm này bóng rẽ đông tây.
Hiệp nhau dưới gót một Thầy,
Nhà Nam gặp Đạo trở mây vạn bang.

Khá tinh thúc nhớ đàn như nghĩa,
Để gieo tràn khắp phía giống xinh.
Dân Nam là gốc hòa bình,
Cao Đài Đạo cả kéo binh đại đồng.

Chị xin khuyên khá trồng cây ngọt,
Cho đời ăn để bớt thương đau.
Công bình bác ái giữ đầu,
Làm gương độ chúng giữ mẫu Chí Linh.

Ấy là bước thanh bình chúng loại,
Cả như sanh nhờ đoái Cao Đài.
Khá tròn đức hạnh động đào,
Cứu cho thiên hạ được mau đại đồng.

Đó chị đến chung vui có bấy nhiêu.
Chị mừng chung hết thấy.

Chị kiếu.

THĂNG

13. ĐỨC HỘ PHÁP GIẢNG TẠI ĐÀI CỬU TRÙNG THIÊN

- *Ngoài Phật Tổ lúc 8 giờ sáng ngày 15-8-Đinh Hợi
(29-9-1947)*

THƯA CHƯ CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, ĐẠO HỮU NAM NỮ, CÙNG MẤY EM, MẤY CON.

Cửu Trùng Thiên làm lần này là lần thứ nhì, là nơi Bản Đạo đã giảng Đạo hai lần đặc biệt: Năm 1936 lúc lễ Đại Tường Đức Quyền Giáo Tông. Cửu Trùng Thiên lập ra cốt để nghinh tiếp Ngài. Co tay tính lại đúng 12 năm, Cửu Trùng Thiên hóa hình một lần nữa là ngày hôm nay. Lần trước đứng trên Cửu Trùng Thiên Bản Đạo tiên tri rằng: trong tình thân mật, chúng ta sẽ chia lia nhau, đem chơn giáo của Chí Tôn truyền bá cùng khắp. Trong 12 năm ấy dòm thấy biết bao nhiêu thống khổ, khảo đảo đã gieo vào tâm lý loài người tiến bộ đến ngày nay. Buổi tiên tri ly tán đã có kết quả là 12 năm qua Cửu Trùng Thiên lại xuất hiện, chứng tỏ ngày hội hiệp của chúng ta là ngày Đạo Cao Đài có ảnh hưởng đến vạn quốc, tức là nền quốc Đạo đã thành tướng.

Nói đến những việc loạn lạc trong nước, những loạn lạc ấy Chí Tôn và các Đấng đã tiên tri từ năm 1926, chớ không phải một ngày bữa gì. Nói trước nhưt là Đức Lý Giáo Tông, lúc Ngài còn cầm quyền nhiếp chánh oai nghi, còn nhớ lại tết năm Mẹo, Ngài về châu Ngọc Hư Cung nên cấm cơ từ 23 đến 30 Tết. Buổi đó Chư Chức Sắc Thiên Phong chưa rõ thông nghiêm luật, thường mỗi

ngày hội hiệp cùng các Đấng, cũng như ăn cơm quen bữa nhịn không được, thấy khao khát cho tinh thần, nên Đức Quyền Giáo Tông bảo Bản Đạo phò loan, Đức Lý giảng nói mấy điều: “*Bản Đạo sẽ trở lại*”. Qua mừng một Ngài giảng phật tất cả.

Ngài than: “*Trọn 7 ngày quì tại Ngọc Hư Cung xin bớt các nạn tiêu diệt sắp đến cả toàn cầu. Đất Việt Nam là Thánh Địa, đã cầu nguyện 7 ngày xin cho mấy châu thành lớn như Saigon, Huế, Hải Phòng, Hà Nội, Gia Định, Chợ Lớn mà không đặng.*”

“*Tội tình nhờn loại gây ra quá dữ thì cũng đúng*”.

Hội Thánh cũng có phương pháp giải quyết được. Chí Tôn đã nói: Đạo trẻ một ngày là hại cho nhờn sanh chẳng biết bao nhiêu, nếu toàn Chức Sắc biết giúp tay cho Người, khuyên dạy con cái của Người thì có thể giải quyết được.

Hại thay, 22 năm qua Hội Thánh chịu bao nhiêu điều thống khổ, phí biết bao sanh mạng vì khẩu đảo, tù tội, ngục hình, phần vì kiệt lực vì trường trai khổ hạnh, chư chức sắc Thiên Phong chịu không nổi phải bỏ mình vô số, chẳng phải chư chức sắc mà thôi mà toàn cả con cái Chí Tôn cũng vậy.

Bản Đạo cảm xúc khi nghĩ đến con cái của Đức Chí Tôn đã phí biết bao xương máu đặng nên hình tượng Thánh Thể của Người trong giai đoạn 22 năm qua. Nếu Bản Đạo làm chứng mà quyết thì phải trừ đi 5 năm 2 tháng Bản Đạo bị đồ lưu nơi hải ngoại trong cơn ly loạn này, con cái Chí Tôn muốn bảo toàn sanh mạng thì phải đổi mạng một phen, đổi chết ra sống, đem loạn lạc lại

hòa bình. Ấy là những Thánh Tử Đạo vào Bát Quái Đài đặng làm chơn tay đi từ Liên Hiệp Quốc Gia đến Liên Hiệp Pháp Quốc, đến Liên Hiệp Toàn Cầu, đem chúng sanh đến Liên Hiệp Đại Đồng Thế Giới, gieo truyền chơn lý, khuyếch trương chủ nghĩa hòa bình. Con đường còn dài, Đạo đi đã phải lối, đến tận thiện, tận mỹ. Mong sẽ được kết quả mỹ mãng đặng làm cho nền Đạo Cao Đài ra thiệt tướng.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn và Phật Mẫu bảo trọng Thánh thể của Ngài bớt khổ hạnh, con đường đi bớt gay trở hầu đi khắp mặt địa cầu, tạo mối hòa bình đại đồng thế giới. Nếu không được thì cái nạn tàn sát lẫn nhau vẫn còn tiếp tục đó vậy. ■

14. NGUYÊN CĂN LOÀI NGƯỜI

➤ *Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp (27-4-Đình Hối)*

Hôm nay bản đạo giảng về loài người do nơi đâu mà đến. Trước khi ta tìm chơn lý ấy, ta nên biết trước Tạo đoạn là Cha cả của vạn vật hữu hình và tìm nguyên căn của Chí Tôn đã.

Chúng ta đã nhìn trong kinh điển hồi trước để lại thấy cả cơ quan hữu vi nhân tiên này làm cho ta biết và nhìn Đấng Tạo Đoạn Càn khôn thể giải sanh hóa vạn vật và loài người là Đấng Cha của chúng sanh, ấy là một tôn giáo đã có từ thượng cổ đến giờ. Phật giáo cho hiểu có Đấng quyền năng vô biên không tỏa được tạo ra vạn vật Càn khôn vũ trụ này. Đấng ấy có đến ở cùng loài người cũng thọ bao nhiêu thống khổ đau đớn, biết luân luân chuyển chuyển từ phẩm người đến Thân, Thánh, Tiên, Phật. Đấng ấy nắm cả quyền năng vô đối huyền bí trong tay, tạo nên Càn khôn thể giới định phép công bình, lành có lành trả, ác có ác trả hiển nhiên nên loài người tôn sùng Đấng ấy là Đức Thượng Đế, quyền thống ngự vạn linh, ấy là Hoàng Đế tối cao thượng vậy.

Các tôn giáo có nói Đấng Thượng Đế là Đấng không nhìn thấy được, vì không hình, không ảnh, nhưng không một mãi nào sơ sót thoát khỏi tay Ngài được. Trong Nho giáo có câu tỏa cái quyền và cái năng của Ngài: “*Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu*”. Nghĩa là Trời cao lồng lộng mà mãi hào không có điều nào qua khỏi tay và lưới Thiêng

Liêng của Ngài, nên xưng tụng Ngài là Thiên Tôn cảm quyền vạn linh mục thước như một ông Tòa.

Đấng tạo ra vạn vật Càn khôn vũ trụ, sanh ra nuôi nấng, tạo ra bảo bọc, hằng để trong thi hài một tâm linh mới được khôn ngoan hiểu biết rằng: Có người có ta nên ta nhìn Đấng cho ta cái tâm linh ấy là Đấng Tối Linh, là Cha của mình, ngoài Đấng ấy thì không ai nữa làm chúa tể của vạn linh được. Tôn sùng như thế thì thấy cao thượng hơn ông cha phàm, vì thế mới xưng tụng Ngài là Đại Từ Phụ trùng hơn hết vì nếu Đấng ấy không cho một điểm Linh quang thì thế nào bảo tồn sanh mạng đặng.

Loài thú hiển nhiên ta thấy mới sanh ra tuy mắt còn nhắm híp mà vẫn biết tìm vú mẹ để sống, đến cỏ cây hễ sanh ra là biết trái lá hứng sương tuyết, hấp thụ cái sanh khí mà nuôi sự sống. Một vật có điểm Linh quan ấy, như thế khối sanh quan ấy là cha vậy. Đại Từ Phụ là Cha của vạn linh, chúng ta là con của Ngài, không phải chỉ có hưởng phần hữu hình mà thôi, lại Ngài còn dành một phần quý trọng hơn là một nhứt điểm Linh quang, nhờ đó mà từ vật chất tiến đến thú cầm như loại, rồi đến Phật vị là ngang cùng Ngài.

Đại Từ Phụ là Phật, Ngài muốn cho con cái của Ngài cũng thành Phật đặng đoạt quyền năng bí mật như Ngài, rồi lập ra Càn khôn thế giới khác. Luật thiên nhiên một ông cha tạo nghiệp thiên theo nghiệp cha mà tạo ra sự nghiệp khác nữa.

Tuy trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ, Bản Đạo biết mở Đạo Cao Đài đặng tuyển chọn trong hàng Phật đạt kiếp từ tạo Càn khôn thế giới đến kế vị Ngài. Trong buổi Đại Từ Phụ mở ĐĐTKPĐ có treo bảng ở Ngọc Hư Cung

lập một ông Trời kể vì Ngài, nhưng chúng ta thấy trong hàng Phật có 3 người:

- 1-Phật Thích Ca;
- 2-Phật Di Lạc;
- 3-Đức Jesus.

Thứ hỏi 3 người ai sẽ làm Trời được. Ta tưởng trong ba vị ấy sẽ có một người mà người đó chúng ta biết chắc là chỗ không quyết đoán trước, chúng ta mang máng chớ không dám nói.

Hễ Đấng nào trong tay đủ quyền năng trị thế, tinh thần cho cao trọng, thấu phục cả tâm lý nhơn sanh và khuôn Đạo gần tinh thần tư tưởng loài người lại được thì Đấng ấy sẽ kế nghiệp Đức Chí Tôn.

15. KHÔNG KHÍ-CHẤT TIẾP DƯỠNG CỦA XÁC TRẦN

➤ *Đức Chí Tôn giảng cơ dạy, tháng 3 Mậu Thìn (dl 4-1928)*

Phò loan: *Hộ Pháp—Thượng Phẩm*

THẦY

TÁC CON,
Cười... Cui, có sợ không con.

Phải, con có bệnh vậy đang trừ bớt thử của chư Thần Thánh Tiên Phật, đương lo lập vị cho mỗi đứa.

Than ôi! Trong phần đồng các con, nếu đang mảy mún hồng phước như các con vậy thì Thầy chưa phải thương tâm đổ lụy, chúng nó hiểu thấu đâu?

Nhiều đứa đã bị Thái Bạch dĩ số bôi tên nơi chốn Thiên Thơ mà Thầy không phương chi giải cứu cho đang, phải chi Thầy không sợ mất phép công bình thưởng phạt Thiêng Liêng, dầu cho chúng nó phải chết đi nữa, Thầy cũng mừng thắm, song chẳng đang vậy. Con coi cái bệnh con đó nó ra giá quý báu cho con dường nào.

Thầy thấy con bệnh phổi và bao tử, nên cho huyền diệu pháp, cho con khỏi ăn đôi lúc cho thiệt mạnh. Hai cơ khí ấy vốn là hình chất nên khó lấy huyền diệu mà trị nó theo lẽ thường. Thầy buộc ngưng phạm sự nó đang tiếp dưỡng huờn nguyên, con hiểu.

Đọc lại con, Hiếu.

Cư, Tắc! hai con muốn Thấy giải phép tiếp dưỡng huyền diệu ấy thế nào chẳng?

Cười giải nghĩa biết chẳng?

Không ăn mà sống hỏi?

Trong không khí, tuy phàm nhân không thấy đặng, mà không khí ấy chứa đầy vật chất tiếp dưỡng (Matières nutritives) của xác trần, vì nhờ nó biến hóa chúng sanh đặng. Thấy nói chúng sanh là nói toàn cả vật loại hữu sanh, nghĩa là vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, vật loại hữu sanh, thú cầm hữu sanh, nhơn kiếp hữu sanh, hiểu à.

Vật chất phải tiêu mà khí phách vẫn còn, tỷ như đá núi có thể xay ra tiêu ra bột đặng làm ciment, mà khí phách đá cũng còn giữ tánh cứng của nó, trộn nước cho đóng khối lại thì nó trở lại hườn đá như thường, mà cái mùi đá vẫn giữ mùi đá.

Thảo mộc, dâu phải chặt rã ra thì khí phách cũng vậy. Con tưởng xác chôn rồi, trong xác ấy cho hườn nguyên khí phách mà hiệp lại cùng không khí chẳng?

Đọc con Hiếu.

Không khí (Air respiratorie) chứa đầy khí phách tiếp dưỡng mà nuôi nấng lại chúng sanh. Nếu các con thấy đặng thì chẳng khác nào ly nước lạnh đổ đường vào trong đó có màu lợn cợn. Sự nuôi nấng chúng sanh thì chẳng chi hơn là nước đường, tuy vẫn không thấy đường mà uống rõ ràng có ra mùi vị ngọt.

Đọc con Hiếu.

Cái khí con hớp hằng ngày ấy thì như bữa cơm con ăn đó vậy. Thấy chỉ có sữa cơ khí phàm các con, nhứt là

bao tử cho có huyền diệu pháp mà tiếp đặng cái khí phách mà làm vật thực nuôi nấng lấy mình. Vì vậy mà nhiều đứa phàm xác vẫn còn mà đắc Đạo tại thế, tuyệt cốc xác thân chẳng hại chút nào.

Đọc con Hiếu.

Coi rồi kiểm hiểu, nói lại chi Thầy nghe rồi Thầy mới dạy nữa.

Chú giải của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu:

Đức Cao Thượng Phẩm bịnh, Thầy dùng huyền diệu pháp, Đức Cao Thượng Phẩm không ăn mà no cũng như ăn cơm vậy, nhờ hớp không khí sớm mai lúc mặt trời vừa mọc (lên lên lối còn thấp).

■ *(Trích trang 57 Đạo Sử Quyển I)*

16. HƯƠNG BẢO THOÀN GIÁNG CƠ

➤ *Giáo Tông Đường 29-1 Giáp Tuất (dl 14-3-1934)*

Phò loan: *Hộ Pháp—Tiếp Thế*

(6 vị Phạm Môn ờ tù mới về vào hầu)

HƯƠNG BẢO THOÀN

TON CHÀO MẤY ĐẠI SƯ. LUY!

Mấy hôm nay con biết được mấy việc Thiên thơ tiền định, cho nên danh thể Phạm Môn.

Em chào mấy anh. Em cam thất lễ, em đã có đến tại ngục đường thăm viếng mấy anh nhiều phen. Đau lòng quá đỗi, song em xin mấy anh nhớ rằng, Nhan Hồi chết tại ngục thất mới đắc Thánh vị; Chúa Jesus chết treo nơi Thập Tự mới lập Đạo Trời.

Cõi thế vẫn khác cõi Thiên, đời chê mới nên về Đạo. Em xin mấy anh tự hỏi lấy mình rằng, chịu khổ hạnh cùng Đức Chí Tôn thì phước hay là tội?

Em cũng tiếc cho em khi còn xác phàm, em không hữu hạnh làm Đạo gặp may duyên như mấy anh vậy. Chớ chi emặng hồng ân như mấy anh ngày nay thì chắc em còn cao hơn phẩm Thần vị nầy.

Thật là khối ngọc của mấy anh chưa dùng, còn em thì thềm quá đỗi.

Xin đọc lại cho mấy anh em nghe, rồi con sẽ tiếp.

Kiểu lỗi cùng Đức Quyền Giáo Tông. Cười...

Sư Phụ hằng nhắc mà cười rằng, em làm Đạo ít oi hơn hết, chớ chi đặng bằng anh Ba (Phạm Văn Màng) thì ngày nay có đầu gối dưới thấp thỏi, ngó cao sang Thánh vị của người mà thẹn hơn.

Hôm mấy anh mới bị nạn thì Đức Trần Văn Xương đến địa giới Linh Thần, cầm nơi tay một tờ ý chỉ nói cùng các Trấn Tôn Thần rằng có Thánh Lịnh dạy phải chăm nom gìn giữ mấy anh cho toàn tánh mạng. Em coi lại là lịnh của Anh Ba, thẹn thường quá đỗi, vì các Trấn biết em là bạn của Người, mà ngày nay tở Thấy khác bậc. Xin đọc lại.

May rủi một kiếp sanh mà muôn năm không thể đổi là vậy.

Thưa cùng Sư Phụ, anh dặn con nói lại dùm rằng: Người đang lo cùng Tam Trấn đặng kiện với Ngọc Hử, đuổi những kẻ tà tâm ra khỏi Đạo. Xin Sư phụ ẩn nhẫn, muôn sự có Chí Tôn, xin đừng sầu muộn nữa, hao mòn thân thể. Anh Ba thấy Sư Phụ rầu thì người khóc lóc cùng con nhiều lúc.

Sư phụ nói lại với chị Ba con rằng anh gửi lời thăm.

THẮNG

Hương Bảo Toàn: ông Võ Văn Toàn, công quả nơi Phạm Môn. Ông Toàn và ông Màng là hai anh em bạn rể, ông Màng vai anh, thường gọi là Ba Màng. Khi qui liễu, ông Toàn đắc Thần vị vì công quả ít, ông Màng đắc Thánh vị (phẩm Phối Thánh) vì công quả nhiều hơn.

17. TÍNH ĐIỂM ĐẠM

ĐẤT KỲ LÀ TÔN GIÁO HAY LUÂN LÝ NÀO NẾU BÀN ĐẾN CHỖ CÙNG CỰC CỦA NHÂN CÁCH ĐỀU LẤY tính điểm đạm làm căn bản.

Phật bàn về “*tâm vô quái ngại*”. Lão nói về “*vô vi điểm tĩnh*”. Nho luận đến “*bạo nhiên chi khí*” - Toàn chỉ vào một đức tánh đã nói trên là Điểm Đạm.

Điểm đạm tức là một đức tính “*như như bất động*”, thản nhiên bình tĩnh, không để cho ngoại vật động đến tâm mình. Người điểm đạm tức là người đã làm chủ tình dục và ý chí của mình. Nói một cách khác, người điểm đạm tức là người tự động, không bị động vì những vật không tùng mình nữa.

Khổng Tử bị vây ở đất Khuông, không còn những phương thế nào thoát ra được, bèn lấy đàn vừa đàn và ca. Tử Lộ hỏi: “*Phu Tử làm sao vui được thế?*”

Khổng Tử nói: “*Người lại đây ta nói cho mà nghe. Ta đã làm hết sức ta để tránh cái chuyện này, thế mà không được. Đó không phải còn tại ta nữa mà là tại Trời. Xưa Nghiêu Thuấn không bị sự cùng như ta ngày nay đâu, chẳng phải do cái tài thận trọng của các ông ấy hơn ta mà được mà là tại cái mạng của họ không giống hai người kia. Lặng xuống đáy biển mà không biết sợ Giao Long, đó là cái dũng của bọn chày lười. Vào rừng mà không biết sợ hổ báo, đó là cái dũng của bọn thợ săn. Thấy gương bén mà không biết sợ, xem tử như sanh, ấy là cái dũng của liệt sĩ.”*

Biết được chỗ cùng không là thời mạng và bất cứ là ở vào cảnh nguy hiểm nào cũng không biết sợ đó là cái dững của Thánh Nhân.

Cái dững của Thánh Nhân tức là chỗ cùng cực của Điểm Đạm.

- *(Trích trang 16-17 Cái Dững của Thánh Nhân của Nguyễn Duy Cần)*

18. ĐỪNG VÌ ÁO MÀO HƠN VÌ ĐẠO

➤ *Đàn cơ ngày 17-09-1927*

Phò loan: Hộ Pháp—Thượng Phẩm

THẦY,

TÁC CON

Thầy đã nói dụng hòa bình êm tịnh mà dẫn các con trong đường Đạo. Các con miễn lưu tâm đến công trình, trí não lo lắng thì bước đường càng bữa càng tối, chẳng điều chi cản đặng, duy có một điều là chư môn đệ và tín đồ xa khuất lời Thánh giáo, nên phần nhiều để thời giờ mà chằm nom nhơn sự. Các Giáo Hữu phải lo lắng về phần thuyết Đạo cho kịp và mỗi đàn lệ đều phải truat một bài Thánh Ngôn dạy về Đạo đức mà đọc cho chúng sanh nghe, như vậy thì lời Thánh Giáo như văn vãng bên tai các môn đệ để giục bước đường của chúng nó chẳng sục sè vậy.

Thơ và Lâm ái nữ cũng theo đó mà hành sự nghe.

Trung bạch: Con có ra để hỏi hôm nơi Đàn Cầu Kho cho các Giáo Hữu làm bài thuyết Đạo.

– Phải chư Đạo Hữu bê trẻ về phận sự và không quản đến lời Thầy thì con hội chư Thánh, dâng sớ lên cho Lý Bạch phán đoán nghe.

Thơ bạch về việc xin in Thánh Ngôn.

– Được, nhưng Thánh Ngôn và văn thì đều phải

trích lục cho kỹ càng, phải có Hội Thánh phê nhận rồi sẽ in thì khỏi điều sơ sót có quan hệ.

Các con phần nhiều các môn đệ ham muốn phong tịch, nhưng chưa hiểu phong tịch là gì? Thầy để lời cho các con biết rằng: **Nhiều Thánh, Tiên, Phật xuống phàm nếu căn quả tiền khiên không mấy trọng hệ, nghĩa là kiếp trần duyên không chi phải như bọn nhiều, thì dầu không Thiên Phong hễ gắng tâm thiện niệm thì địa vị cũng đạt hồi đặng.**

Thiên Phong là để cho bậc Thánh, Tiên, Phật lia trần phải lằm dày công cùng sanh chúng mới trông mong hồi cựu phẩm đặng. Các con nên nhớ Thầy lấy từ bi phong tịch, nhưng các Chức sắc nếu vì áo mào hơn vì Đạo đức thì tội chất bằng hai.

Trung, Thơ, Lâm Thị Ái Nữ, ba con Thầy vì lòng từ bi hay thương môn đệ phong tịch lần nầy là lần chót vì Tân Luật đã hoàn toàn, nếu chẳng do theo đó thì Lý Bạch hằng kêu nài; Quan Thánh và Quan Âm cũng hiệp sức mà dâng kêu vì sự ấy. Vậy sau nầy nếu có ai đáng thì do Tân Luật mà công cử; còn về Phong Tịch thì có Lý Giáo Tông tiến cử, Thầy tới nhậm phong nghe.

Trung, con gắng công thêm và liệu cách đối đãi với chánh phủ, có chư Thần giúp sức khá an tâm. (Thánh Ngôn nầy đem đọc cho chư môn đệ nghe). Thầy ban ơn cho các con.

THẮNG

19. LÊ MINH TÔNG NGƯỜI VẼ HÌNH “TAM THÁNH KÝ HÒA ƯỚC”

NƠI PHONG TƯỜNG BÊN SAU CHỮ KHÍ LÀ TAM THÁNH KÝ HÒA ƯỚC CHÚNG TA ĐƯỢC NGHE Đức Hộ Pháp thuật lại lúc làm Đền Thánh: “*Đức Lý dạy Bản Đạo cho công thợ đắp một khuôn thật lớn tại Tịnh Tâm Đài chưa biết để chi. Chẳng sau khi Bản Đạo mãn hạn đồ lưu trở về lo trùng tu Đền Thánh dựng có chỗ thờ Đức Chí Tôn, khi trấn Thần xong mới dời quả Càn Khôn về thờ nơi Bát Quái Đài ngày 8 tháng giêng năm Đinh Hợi (1947)*”. Bao Lam Thần Vọng nơi Tòa Thánh có đắp hình Tam Giáo Ngũ Chi nền những bửu tượng trước giờ thờ nơi quả Càn Khôn, Đức Ngài dạy đem ra Cực Lạc Cảnh.

Sự hành lễ Đức Chí Tôn chưa đầy hai tháng bắt đầu 1-3 Đinh Hợi nhằm ngày vía Đức Cao Thượng Phẩm, Đức Hộ Pháp lệnh cho chúng ta được ngôi kiết tường hiến lễ vì thương Thánh thể của Đức Chí Tôn nhiều vị lớn tuổi rắng quì với thời cúng quá mệt mỗi khó định Thân, Đức Ngài nắm quyền Chí Tôn tại thế ân cho ngôi hiến lễ tại Tòa Thánh mà thôi.

Qua năm 1948 có lệnh Đức Lý do Thánh ý của Đức Chí Tôn mới bảo Đức Ngài nhờ họa sĩ Lê Minh Tông vẽ hình Tam Thánh. Nhưng sự phát huy vị trí thì Đức Ngài trình bày, mọi sự đều do Ôn Trên, họa sĩ Lê Minh Tông đã mãn hạn tù đầy nơi Côn Đảo mới về, lại là người Giáo phái, hồi năm 1947 lần đầu Quân Đội Cao Đài đến Cà Mau thì Lê Minh Tông xin nhập môn với anh Lê Văn Thoại coi như người của Tòa Thánh, do Ôn Trên thúc

dục nên ông Tông sửa soạn hành trang vừa mang ra đến bến thì lơ rước lên xe. Chợt ông chưa nhứt định đi về đâu, vừa đến Sài Gòn xe đỗ hành khách xuống đang đi vãn vợ gặp lơ xe Tây Ninh rước lên ngồi rồi ông mới hỏi xe đi về đâu, lơ xe trả lời về Tây Ninh. Ông mới nghĩ nơi đó có bạn mình là Lê Bửu Tài.

Thật cơ may, đồng đi một chuyến xe khoán lộ trình Sài Gòn-Tây Ninh gặp vị Đầu Tộc Đạo Đò Thành là Lê Sanh Ngọc Ngạc, với vẻ Đạo mạo ông Tông biết là người của Tòa Thánh nên làm quen hỏi Văn Phòng Quốc Sự Vụ ở Nội Ô, ông có biết không? Tôi định vô trong đó có một người bạn, ông Ngạc nói biết nhưng nói: ông muốn vào đó mà chẳng có giấy ra vô cửa khó mà vào. Thôi để tôi hướng dẫn cho ông đến tận mặt ông Tài là bạn thân giao của ông.

Chùng vào Văn Phòng Quốc Sự Vụ, ông Tông có ý muốn lưu trú lại một thời gian ở chơi với bạn nên ông Tài dẫn qua Hộ Pháp Đường để thăm Đức Ngài và trình bày lý do của ông. Được sự tiếp đãi niềm nở lúc hầu chuyện, Đức Ngài ngó ý nhờ họa sĩ vẽ dùm bức chơn dung Tam Thánh Ký Hòa ước đặt để trước Tịnh Tâm Đài Tòa Thánh. Ông Tông hứa sẵn lòng làm nhiệm vụ đó.

Đức Ngài gửi lệnh cho Hội Thánh bảo Công Viện đóng một cái khuôn lợp vải vừa lọt lòng khung xi măng ở Tịnh Tâm Đài. Khi ông Tông vẽ tượng Tam Thánh để tại VP Quốc Sự Vụ Đức Hộ Pháp thường lui tới đến khi vẽ xong mới thôi. Đức Ngài cho Hội Thánh hay tổ chức lễ rước Tam Thánh từ VP Quốc Sự Vụ đến Tòa Thánh, Đức Ngài mặc tiểu phục màu vàng đi sau tượng ảnh Tam Thánh. Quốc Sự Vụ thể hiện cơ đời của Đạo chung qui

đưa vào Đền Thánh là nguồn cội nền chánh giáo của Đức Chí Tôn. Đức Ngài dành riêng cho 4 vị Lễ Sanh của Hội Thánh Ngoại Giáo với phẩm Thiên Thần khiên tượng ảnh 3 vị Thiên Sứ là Tam Thánh, cuộc lễ rước có dàn Lễ bộ, Lễ nhạc. Đồng Nhi, chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Phước Thiện với Sĩ Quan Quân Đội cùng một số học sinh Đạo Đức Học Đường gần 300 em.

Khi đến Tòa Thánh tượng ảnh khiên vào cửa hông có Kim Mao Hâu ở phía tả, vô tận Cung Đạo tượng ảnh quay vào Bát Quái, Lễ Viện trao cho Đức Ngài 9 cây nhang, Đức Ngài liền phán: *“Bản Đạo hành pháp trực Thần các Đấng có nhập vào tượng ảnh, chẳng biết các Đấng đó ở tầng thiên nào bảo Lễ Viện phải đốt đủ 12 cây nhang, trước hết Đức Thanh Sơn kể là Đức Nguyệt Tâm sau cùng là Đức Trung Sơn”*. Lễ Trấn Thần xong ra vòng lại cửa chánh gắn lên khuôn hình phong tại Tịnh Tâm Đài.

Lễ rước 8 giờ ngày 10-7 Mậu Tý (14-8-1948) khi đặt lên xong mỗi người đang để mắt trông vào tượng ảnh, thì Đức Ngài liền phán: *“Chơn Thần đã nhập vào tượng ảnh của Tam Thánh kể như người sống đó vậy”*. Quả thật, khi chúng ta nhìn vào tượng ảnh của Tam Thánh, với nét vẽ linh động nhưng thời gian cơ tuần hoàn có định luật cho vật thể mới ngoài 20 năm mà tượng ảnh của Tam Thánh hầu đã phai mờ phong vải bị lọt nước sơn có chỗ lỗ đổ bún lên.

Đến thời của Đức Thượng Sanh cầm quyền Đạo, họp Hội Thánh Đức Ngài bảo tỏ điểm lại. Nhưng xét thấy phong vải bị hư nên Hội Thánh định vẽ trên phong tường mới ban nhiệm vụ đó cho anh em Huỳnh Văn Kiêm và Quang con của Giáo Hữu Thái Quận đứng lên thực hiện

phỏng theo mô giới bức chơn dung của Lê Minh Tùng mà phát họa, anh em của Kiếm vẽ xong công đòi hết 8 ngày, sau có vài anh em nhấ ý góp phần thẩm mỹ xin với Hội Thánh tô điểm thêm phần thân mình của Tam Thánh.

Đến thời kỳ Hội Đồng Quản Lý số anh em họa sĩ tuổi trẻ xin tô điểm lại có Ba Tài, Tư Phón, Bảy Đoàn Kết với bức chơn dung hiện qua hai lần vẽ lại, ai cũng thấy nếu so sánh tài nghệ của anh em chừng 7 còn ông Lê Minh Tùng gấp 10, đó là họa sĩ Đức Lý Đại Tiên đã chọn trước kia, bởi ông Tùng là một họa sĩ nổi tiếng có cấp bằng của nhà trường.

Nền Đạo Cao Đài ngày nay, mọi người chúng ta chỉ biết được 2 khuôn ở bức bình phong Tịnh Tâm Đài trong là phong chữ khí, phía ngoài là Tam Thánh kỷ hòa ước mà thôi. Còn nơi Bát Quái Đài có 8 khuôn, Cung Đạo có 4 khuôn, Thông Thiên Đài có 3 khuôn, Phi Tượng Đài có 4 khuôn với bức bình phong trước Chánh Điện. Báo Ân Từ có 2 khuôn cộng lại là 21 khuôn, còn để trống với hiện tại Ở Trên chưa giảng dạy chúng ta lại là kẻ phàm khó hiểu được việc làm của Đức Hộ Pháp đều do Thánh ý của Đức Lý cùng Đức Chí Tôn bởi cơ Hoằng Pháp Đạo chưa thành thì Nhơn Sanh khó mà đoán được những khuôn còn lại.

■ *(Bài của Huệ Phong soạn)*

20. HẬU THIÊN BÁT QUÁI

SAU KHI PHỤC HY ĐÃ VẠCH BÁT QUÁI THIẾT LẬP TIÊN THIÊN ĐỒ, PHÁT HỌA CÓ MỘT THỜI gian lâu lắc xa xăm của vũ trụ lúc còn vô hình thì Văn Vương kể tục sự nghiệp đó, thiết lập Hậu Thiên Đồ mô tả một giai đoạn biến hóa hình thành của Trời Đất muôn loài từ vô hình qua hữu hình. Có Tiên Thiên mà không có Hậu Thiên thì quan niệm vũ trụ chưa được toàn diện. Phục Hy mà không có Văn Vương thì dịch lý coi như thiếu sót. Có Hà Đồ mà không có Lạc Thư, Tiên Thiên Đồ để thiết lập Hậu Thiên Đồ thì lúc đó mới gọi là hoàn bị. Thiệu Tử nói: *“Kiên khôn tung mà lục tự hoành, đó là thể quẻ dịch. Chấn đoài hoành mà lục tử tung, đó là dụng của Dịch”*.

Tiên Thiên làm Thể làm gốc đã đành, nhưng nếu không có Hậu Thiên thì Dịch biết lấy gì làm Dụng. Vì Tiên, Hậu Thiên không thể tách rời, nên mới nói “Thể dụng một nguồn Tiên Hậu không gián cách.

Thành thử mấy ngàn năm sau thời Phục Hy Văn Vương xuất hiện như một ngôi sao sáng, đóng vai trò hết sức quan trọng đối với Dịch lý. Văn Vương đã làm những gì cho Dịch.

Khi Văn Vương bị vua Trụ nhà Ân cầm tù ở Dữu Lý và khi Châu Công Đán con Văn Vương đang bận bịu về việc Đông Chinh, thì chính lúc đó là lúc sống còn chưa biết, thắng bại chưa phân, hai Ngài cố tâm nghiên cứu cái Đạo cùng thông để tìm cho mình một lối thoát, một

hoàn cảnh mới. Vì vậy, kinh dịch sau lúc qua tay hai Ngài bỗng nhiên trở thành sáng lạng.

Cổ nhân thường nói: “*Tây Bá khi đen tối đã diễn dịch; Châu Đán lúc vinh hiển đã chế Lễ*” (Tây Bá u nhi diễn Dịch, Châu Đán hiển nhi chế Lễ).

Khổng Tử về sau sang định lục kinh (6 bộ sách) đã có 5 lần ca tụng: “*Triều đại nhà Châu xem xét lễ chế của của hai triều đại trước (Hạ, Ân); nên văn minh rực rỡ biết bao. Vậy ta theo nhà Châu, có lẽ một phần cũng vì lý lẽ uyên áo tân kỳ trong Kinh Dịch*”. Điều này có thể đúng vì Khổng Tử đã để khá nhiều tâm lực vào việc làm “*Thập diệc*” kế tục sự nghiệp của Văn Vương và Châu Công hoàn thành bộ Dịch, thường gọi là Châu Dịch bản nghĩa, có Chu Hy chú thích mà chúng ta dùng hiện nay. Những quái từ, hào từ có 64 quẻ trong Thượng, Hạ Kinh đều do Văn Vương và Châu Công làm ra. Khổng Tử đã đặt Thoảng truyện, Tượng Truyện tất nhiên là phải dựa vào ý của hai bậc tiền bối này.

Nhưng chương trình sáng tác vĩ đại nhất của Văn Vương phải nói Hậu Thiên Bát Quái. Đó là một siêu phẩm tân kỳ của một bộ óc toán lý học bậc sư của thế giới cổ kim.

■ (Trích trang 335–336 Kinh Dịch với Vũ Trụ Quan Đông Dương của Nguyễn Hữu Lương)

21. ĐỨC HIẾU CỦA VUA DỰC TÔN

NÀI HIẾU PHỤNG ĐỨC TỪ DỤ, XƯA KIA ÍT AI BẰNG. LỆ THƯỜNG THÌ NGÀY CHẴNG THÌ CHẦU cung, ngày lễ thì ngự triều, trong một tháng chầu cung 15 lần, ngự triều 15 lần, trừ khi đi vắng và khi se yếu. Trong 36 năm thường vẫn như thế, không sai chút nào.

Khi Ngài chầu cung, thì Ngài tâu chuyện nầy, chuyện kia, việc nhà, việc nước, việc xưa, việc nay. Đức Từ Dụ thuộc sử sách đã nhiều, mà biết việc đời cũng rộng. Khi Đức Từ Dụ bang câu chi hay thì Ngài biên vào quyển giấy hiệu là “*Từ Huấn Lục*”.

Đọc quyển sách ấy, tôi tưởng xưa nay mẹ ở với con, con ở với mẹ, ít ai được như thế.

Khi rảnh việc nước, Ngài hay ngự đi bắn chim hay là câu cá. Cách kinh thành chừng 15 cây số, ở bên bờ sông Lợi Nông, có cái bản cấm gọi là Thuận Trực, chỗ ấy nhiều chim, Ngài thường ngự đến bắn.

Một hôm Ngài ngự bắn ở bản Thuận Trực, gặp phải khi có nước lụt. Còn 2 ngày nữa là có Đức Hiến Tổ là Đức Thiện Trị, mà Ngài chưa ngự về. Đức Từ Dụ nóng ruột sai quan đại thần là ông Nguyễn Tri Phương đi rước. Quan Nguyễn Tri Phương đi được nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên mà nước chảy mạnh, thuyền không đi mau được. Gần tối thuyền ngự mới đến bến. Khi ấy trời mưa mà Ngài vội vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung lạy xin chịu tội.

Đức Từ Dụ ngồi xoay mặt vào màn, chẳng nói chẳng rằng chi cả. Ngài ngự mới lấy một cây roi mây, dâng lên để trên ghế trác kỷ, rồi Ngài nằm xuống xin chịu đòn.

Cách một hồi lâu, Đức Từ Dụ xoay mặt ra, lấy tay hất cái roi và ban rằng:

– Thôi, tha cho đi! Đi chơi để cho các quan cực khổ thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu kỵ.

Ngài lay lui về, nội đêm đó Ngài phê thưởng cho các quan quân đi hầu ngự. Quan thì mỗi ông được một đồng tiền bạc, lớn nhỏ tùy theo phẩm, còn lính thì mỗi tên 1 quan tiền kẽm.

Đến sáng Ngài ngự ra điện Long An lạy kỵ.

(Chân Dung của Đức Dục Tôn Anh Hoàng Đế -Đông Dương Tạp chí số 61-62)

■ *(Trích trang 192-193 VN Thi Văn Hợp Tuyển của Dương Quan Thành)*

22. NGŨ-KỶ

NGŨ KỶ LÀ: NĂM, THÁNG, NGÀY, SAO VÀ DỊCH.
Trời đất xoay dần có ngày, có tháng, có năm. Tinh tú trong không trung cũng vì đó mà đổi chỗ, thay ngôi. Những hiện tượng thiên văn đó được người xưa quan sát kỹ lưỡng và thực nghiệm nhiều lần để lập thành những nguyên tắc ghi rõ trong lịch thư.

Lịch là một thể chế quan trọng nơi các dân tộc cổ đại, nó thường dính líu tới tôn giáo; nó qui định nhịp sống bằng các qui định những ngày hội hè cúng lễ trong năm. Riêng bên Viễn Đông, lịch còn đi liền với nền triết lý nhân sinh một cách rất hệ trọng. Vì triết lý nhân sinh lấy việc “*Thái hòa làm chỗ đoạt Đạo*” tức là người sống hợp với Trời đất theo luật Tam tài, cho nên việc theo nhịp thời gian là điều tối quan trọng. Trong thực tế việc ghi thời gian biểu lộ ý hướng “*thái hòa*” đó. Bởi vậy lịch số mới chiếm một địa vị vượt xa các thể chế khác.

Như vậy, những nhà thiên văn làm lịch chính là “*những người đem triết lý từ trời xuống đất*” như Ciceron đã từng ca ngợi sự nghiệp của Socrate: Quan niệm “*thiên nhân hợp nhất*” hoặc “*thiên địa vạn vật đồng nhất thể*” đối với Đông phương thường được coi là việc không có gì lạ lắm.

Thiên văn ngày nay tính 1 năm có 365 ngày 5 giờ 48 phút 6/10. Thế mà thiên văn cổ Á Đông đã tính được 365 ngày sai khác chỉ mấy phút. Trong khi thiên văn cổ Tây phương tính trật tới 5 ngày.

Sự kiện này khiến E.V. Zenker đã phải nhắc lại lời của Biot để phân trần: *“Buồn cho chúng ta là không biết chắc được toán học và thiên văn học của Trung Hoa đã đạt tới trình độ nào trong những thời xa xưa, nhưng có điều hình như những khoa này của họ chưa nhượng bộ các dân tộc khác ở Á Châu một chút nào!”*.

Người Trung Hoa xưa chẳng những đã khả năng ấn định được một năm là 365 ngày mà còn chú ý tới cả 19 lượt chu hành của mặt trăng, chừng 1.000 năm trước T.L, ở một thời đại mà tất cả các dân tộc khác chưa biết tí gì.

Biot và Zenker buồn cho Tây phương đồng thời ngụ ý ca tụng Trung Hoa, thật chẳng quá đáng, bởi vì theo tài liệu của Séraphin Counvreur thì từ đời Nghiêu, Thuấn người Á Đông đã biết 1 năm có 366 ngày, đời Hán 365 ngày và đến đời Tống 365 ngày 5 giờ 48⁴⁵”, sai con số hiện tại có vài giây mà thôi.

Nhưng nét độc đáo của Thiên văn Trung Hoa là phản ảnh một nền triết lý siêu hình rất đặc biệt, phản phát có tính chất tôn giáo. Nhận xét này của L. de Sasusure thực không ngoa vì lịch số Đông Phương, ngoài việc áp dụng trong thiên văn, còn đặc dụng ở nhiều lĩnh vực khác như chim tinh, tử vi, nhâm cấm, độn toán v.v... Người ta xem ngày, chọn ngày để cưới vợ cho con, để làm lễ mừng thọ người ta xem lịch để biết ông cố nội hay bà cố ngoại chết hôm đó có phải là ngày tam xa hay không, để tìm cách tránh trùng tang liên táng. Thậm chí có người kỹ đến đổi đóng các giường cho vợ con nằm cũng phải đem lịch ra chọn ngày tốt mới khởi công.

Chỉ một cuốn *“Tường mộng ngọc hạp ký”* cũng là đủ cho ta thấy công dụng hỗn tạp của lịch số Đông Phương

trong lĩnh vực thần bí siêu hình mà các nhà thuật số đã bắt quật sang môn học của mình.

- *(Trích trang 320–324 Kinh Dịch với Vũ Trụ Đông Phương của Nguyễn Hữu Lương)*

23. MUỐN DẬP TẮC CÁI GÌ HÃY LÀM CHO NÓ HƯNG LÊN

THỜI “*HẮC ÁM*” LÀ THỜI CỦA VẬT CHẤT CHỦ NGHĨA BÀNH TRƯỚNG MẠNH VÀ HIỆN ĐANG làm sóng gió trên mọi lãnh vực trên khắp địa cầu. Người ta bảo sức mạnh bành trướng của nó vô cùng mãnh liệt mà không một lực lượng tinh thần nào chặn nổi. Người ta phấn đông đã reo mừng sự chiến thắng vô cùng rực rỡ của văn minh cơ khí ngày nay. Nhưng như chúng ta đã nói đó là sự rực rỡ của bóng hoàng hôn. Một sự rực rỡ phồn thịnh, triệu chứng của một sự điều tàn sắp đến. Cần nên nghiên ngẫm câu nói sâu sắc của Lão Tử: “*Muốn dập tắt cái gì hãy làm cho nó hưng lên. Muốn làm cho nó thu lại, hãy làm cho nó bành trướng thêm ra.*”

Thiên hạ mà xúm nhau đề cao chủ nghĩa duy vật, phụ họa và giúp thêm cho khoa học vật chất được lên đến cực độ, đó là làm cho nó càng mau đến thời tàn tạ và suy vong: “*Vật cùng tất biến*”.

Khoa học vật chất ngày nay mà đi đến cực độ là chính tự nó tự đào hố chôn mình vậy.

Trong Tinh Hoa Đạo Học Đông Phương, chúng tôi đã viết: “*Với Chirishnamensti, một cái học nhất nguyên của Phương Đông đã bắt đầu phục sinh trong lòng Âu Mỹ sang thời bác loạn chưa từng thấy có trong lịch sử loài người. Nhưng sau quẻ Bác là quẻ Phục: người “cũ” có chết mới phục sinh người “mới”. Nhân loại sắp đi vào một cuộc phục sinh chưa từng thấy có từ xưa đến nay, mà có lẽ Tây Phương sẽ cầm đầu trong trào phục sinh này.*”

Phàm Âm cực Dương sinh, văn minh vật chất thế giới ngày nay do Tây Phương truyền bá, âm khí đã đến thời cực độ, điểm dương trong lòng âm tâm tối ấy đang lần lần phát huy dương lực một cách ngấm ngấm và mãnh liệt. Bằng chứng Thiên Học Trung Hoa đang bắt đầu phát sinh mạnh ở các nước Âu Mỹ. Một số đông đại thức giả và thanh niên cấp tiến thực sự đã tỏ ra yêu chuộng chân thành Thiên học. Có lẽ họ đã được no nê chán mỏi cái nếp sống nhầy nhụa hưởng thụ vật chất trong một thứ văn minh nhị nguyên lý trí đến tột độ và chính đó là nguyên nhân thuận tiện giúp cho nhận thấy rõ ràng hơn giá trị tinh thần Đạo học.

■ *(Trích Chu Dịch Huyền Giải của Nguyễn Duy
Cẩn trang 67–68)*

24. THAN NGHÈO

Chưa chán ru mà quấy mãi đây,
 Nợ nần dan díu mấy năm nay.
 Mang danh tài sắc cho nên nợ,
 Quen thói phong lưu hóa phải vay.
 Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
 Anh hùng khi gặp cũng khoanh tay.
 Còn trời còn đất còn non nước,
 Có lẽ ta đâu mãi thế này.
 Có lẽ ta đâu mãi thế này,
 Non sông lẫn thẩn mấy thu chảy.
 Đã từng tắm gội ơn mưa móc,
 Cũng phải xênh xang hội gió mây.
 Hãy quyết phen này xem thử đã,
 Song còn tuổi trẻ sợ chi ngay.
 Xưa nay xuất xử thường hai lối,
 Mãi thế rồi ta sẽ tính đây.
 Mãi thế rồi ta sẽ tính đây,
 Điền viên thú nợ vẫn xưa nay.
 Giang hồ bạn lũ cầu tan hợp,
 Tùng cúc anh em cuộc tỉnh say.
 Tòà đá Khương Công^[1] đôi khóm trúc,
 Áo xuân Nghiêm Tử^[2] một vai cày.

[1] Khương Công: Khương Tử Nha

[2] Nghiêm Tử: Nghiêm Tử Lăng. Những kẻ ẩn sĩ thuở xưa được người đời xem là thanh cao đáng kính. Nguyễn Công Trứ lặn

*Thái bình vũ trụ càng thông thả,
Chẳng lợi danh gì lại hóa hay.
Chẳng lợi danh gì lại hóa hay,
Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy.
Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp,
Trong thú yên hà mặc tỉnh say.
Liếc mắt coi chơi người lớn bé,
Vẽn râu bàn những chuyện xưa nay.
Cửa trời trăng gió kho vô tận,
Cầm hạc tiêu dao đất nước này.*

NGUYỄN CÔNG TRỨ

(Bài thi tác giả sáng tác lúc còn hàn vi chưa đỗ đạt)

■ (Trích trang 95–97 *Việt Nam Thi Văn Trích Giảng của Tạ Ký*)

đặn mãi đến 42 tuổi mới đỗ đạt rồi phải chịu nhiều bước thăng trầm trên hoạn lộ cho đến khi 70 tuổi mới được về hưởng thụ. Tác giả sở dĩ cực khổ vì công danh như thế bởi ông cho rằng công danh là cái nợ mà một kẻ làm trai phải trả cho được.

25. PHẬT MẪU LÀ AI?

➤ *Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp 14-8 Đình Hội*

THỨNG TA HÔM NAY ĂN LỄ TRUNG THU CỦA PHẬT MẪU, THEO LỜI DẠY CỦA ĐỨC QUYỀN GIÁO Tông. Nếu lấy chơn truyền từ thượng cổ đến nay tức là hồi nhứt kỳ, nhị kỳ Phổ Độ, Phật Mẫu tiếp rước tại Diêu Trì Cung lập Hội Bàn Đào đãi người đoạt Đạo trở về cùng Mẹ. Đạo sử nói: Phép vào Hội Yến nầy Chí Tôn ban cho những người ấy.

Phật Mẫu ban sơ đến Hiệp Thiên Đài là Mẹ chữ Khí, tức là khí sanh vạn vật, lấy ngươn pháp trao chữ Khí biến hình Càn khôn vũ trụ. Chữ Khí tương quan trong Hiệp Thiên Đài, nên Phật Mẫu trước đến tạo Hiệp Thiên Đài thuộc Pháp tức là tòa ngự của Người, rồi sau mới lập Cửu Trùng Đài. Người đến gọi mình là bạn của chúng sanh tự xưng là “*Thiếp*” đem bí mật từ thử chưa ai nghe, đối với Chí Tôn thể nào, nói rõ không kiên phép Ngọc Hư. Vì để tạo gia nghiệp cho con cái Người thì Người có quyền nói không ai cản được. Nói: ngày nào Bà Thân của Đức Cao Thượng Phẩm qui vị là ngày ấy thành Đạo. Trước ngày ấy vài hôm, Phật Mẫu giáng cơ dùng tiếng Mẹ con xưng hô cùng ta, tức là ngày thành Đạo, nhằm lễ Trung Thu trên kia Đức Quyền Giáo Tông không nói rõ, nhưng chúng ta cũng đã hiểu là Cao Đài đã thành Quốc Đạo.

Trong giây phút nầy đã đem vào lịch sử Đạo toàn hơn loại đều thấy, Phật Mẫu đến in ấn Thiêng Liêng

định thành nền Quốc Đạo của chúng ta.

➤ *Đức Hộ Pháp giảng tại Đền Thờ Phật Mẫu ngày
30-1 Đinh Hợi*

TỪ ĐÂY CHÚNG TA RẤT HÂN HẠNH THỜ PHẬT MẪU TẠI BÁO ÂN TỪ. BUỔI MỚI MỞ ĐẠO, BẢN ĐẠO BIẾT CÔNG NGHIỆP CỦA PHẬT MẪU THẾ NÀO. NGÀI VÀ CỬU VỊ NỮ PHẬT ĐIỀU DẮT CON CÁI CỦA ĐỨC CHÍ TÔN TỪ BAN SƠ CHO ĐẾN NGÀY ĐEM CHÚNG TA GIAO LẠI CHO THẦY.

Ngày mở Đạo, về cái tình cảm ấy các vị Thiên Phong buổi nọ xin thờ Phật Mẫu ở Đền Thánh thì Phật Mẫu cho biết rằng quyền Chí Tôn là Chúa, còn Phật Mẫu là tôi, mà tôi làm sao ngang hàng cùng Chúa. Chúng ta thấy Phật Mẫu cũng kính Đức Chí Tôn đến dường ấy không có gì bằng được.

Cả cơ quan hữu tướng thấy đều do Phật Mẫu tạo thành cả. Khi ta đến cõi trần mang mảnh thi hài, cái chơn linh khi đến, khi về, cũng đều do tay Phật Mẫu mà sản xuất. Phật Mẫu là Mẹ của linh hồn, nếu chúng ta biết ơn nặng ấy thì ta cùng cảm mến cái thân cái công hóa dục sản xuất của Ngài vô cùng. Chúng ta ngày nay trên đường tu tiến, đắc Đạo hay không cũng do bà Mẹ Thiêng Liêng ấy nâng đỡ ấp yêu, không có ai cứng con hơn là Phật Mẫu. Nếu chúng ta biết đặng cơ quan Tạo hóa Càn khôn sản xuất hữu hình của Phật Mẫu thì chúng ta sẽ có cái tình

cảm kính trọng yêu thương Phật Mẫu đến ngần nào.

Con cái của Ngài xin đem vào thờ ở Đền Thánh thì Ngài lại từ chối, thế mới biết cái cung kính Phật Mẫu đối với Chí Tôn chưa có ai được đáo để đến đường ấy. Còn nữ phái nên noi tánh đức của Mẹ mà làm gương tu tỉnh. Lại gì những cái thường tình thế gian, đàn bà ăn hiếp chồng, thất kính với chồng bỏ con trẻ bơ vơ, chẳng qua là họ không thọ bẩm được cái tình thương yêu nồng nàn của Mẹ vậy.

Bây giờ nói về: **Tại Sao Có Phật Mẫu?**

Trước đây Chí Tôn là Đấng không mà có, nếu nói có tức là không, ấy là Đấng vô hình vô ảnh ở trong cảnh vô tướng. Đức Chí Tôn vì mộng tưởng chẳng khác kẻ phàm sanh ra lớn lên lại muốn tạo nghiệp. Đức Chí Tôn mộng tưởng là nguồn cội của Bí Pháp nên gọi là “*Phật*”. Trong bí pháp thuở ban sơ phân tách ra âm dương, phần âm là Phật Mẫu sản xuất cả cơ hữu vi của vũ trụ. Bởi thế nên quyền năng của Phật Mẫu đối với Đức Chí Tôn chẳng khác gì nơi thế gian vợ đối với chồng. Phật Mẫu là Mẹ của khí thể của ta. Ta có hình thể là Tam Bửu, tam bửu là 3 khí chất tạo nên hình hài xác thịt. Cái xác là con kỳ vật. Thiên hạ lầm tưởng hể xác chết là mất thì thử hỏi: Trời đất một khi đã hoại thì tan nát không còn sanh hóa nữa hay sao? Bởi mang xác thịt mất phàm không thể thấy đặng; nếu có huệ nhãn thì thấy trong xác người có 3 thể:

- **Thể thứ nhứt** là **xác hài** thuộc vật chất khí biến sanh.
- **Thể thứ nhì** là **Chơn Thần** do tinh ba của vật chất mà sản xuất từ phẩm địa Thần đến Thiên Thần.
- **Thể thứ ba** là **Chơn Linh** do nơi nguyên khí mà

có từ bực Thánh đổ lên.

Chúng ta đoạt Pháp là chúng ta có thể tương liên. Đừng tưởng chúng ta không đoạt Pháp được, Chúng ta hễ đi được đi hoài cũng có đường đi hết thấy. Song muốn đạt được thì phải luyện. Ban sơ mới khai Đạo, chúng ta phải hành thể pháp, nếu sau này không đạt được chơn pháp thì cũng như có quần mà không có áo vậy. Từ khi cái cơ quan hữu tướng của Mẹ đã tạo thành thì Đức Chí Tôn không cho Mẹ thấy nữa. Phật Mẫu chỉ biết tôn sùng và sợ sệt chớ không thấy Đức Chí Tôn được, nên bây giờ Mẹ chỉ vui lòng cùng con cái, an ủi con cái. Lại gì cái tình thương của đàn bà, có mặt chồng thì ít thương con, đến khi vắng mặt chồng thì mới biết cưng con vậy.

Phật Mẫu khi thấy con cái đến ngày qui liễu bỏ cái xác thịt này về với Ngài, Ngài rất vui lòng tiếp rước con cái như người đàn bà sanh được đứa con yêu dấu, hay như gặp một đứa con cách biệt từ lâu.

Đền thờ này là nơi lễ bái trong buổi Đạo đã mãng tang qui hồi cựu vị. ■

Viết xong ngày 15-07-Giáp Tý (1984)

QUANG MINH

(Xin xem tiếp Quyển XXI)

GÓP NHẬT CHUYỆN ĐẠO 20

Soạn Giả: **QUANG MINH**